

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

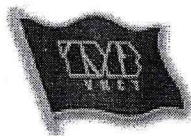
(Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100100689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần 9 ngày 12/07/2016)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

(Quyết định đăng ký niêm yết số/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ... tháng ... năm 2016)

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN



Địa chỉ: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38642973 Fax: 04.38642792

Website: www.thanmienbac.vn

Email: thanmbac@gmail.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



Địa chỉ: Số 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3556 2875 Fax: 04.3556 2874

Chi nhánh: 49 Tôn Thất Đạm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 08.3820 9987 Fax: 08.3820 9993

Website: Vietinbanksc.com.vn

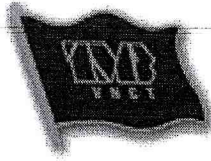
PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: **Nguyễn Minh Hải**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0913.283 361

Fax: 04.38642792



CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

(Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100100689 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần 9 ngày 12/07/2016)

Địa chỉ trụ sở chính: Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.38642793

Fax: 04.38642792

Website: www.thanmienbac.vn

Email: thanmbac@gmail.com

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Tên cổ phiếu : Cổ phiếu Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Loại cổ phiếu : Cổ phiếu phổ thông

Mã cổ phiếu : TMB

Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu

Tổng số lượng niêm yết : 10.000.000 cổ phiếu

Tổng giá trị niêm yết (theo mệnh giá) : 100.000.000.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam

Trụ sở chính : Tầng 8, Cao ốc Văn Phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi,
Quận Thanh Xuân, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 04.37832121

Fax : 04.37832122

Website : <http://www.kiemtoancpa.com>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam

Trụ sở chính : 306 Bà Triệu, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại : 04.3556 2875/76

Fax : 04.3556 2874

Website : www.vietinbanksc.com.vn

MỤC LỤC

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	7
1. Rủi ro về kinh tế	7
2. Rủi ro về luật pháp	11
3. Rủi ro đặc thù	11
4. Rủi ro về thị trường chứng khoán	12
5. Rủi ro về thanh khoản	Error! Bookmark not defined.
6. Rủi ro khác	12
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	13
1. Tổ chức niêm yết - Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin	13
2. Tổ chức tư vấn	13
III. CÁC KHÁI NIỆM	14
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:	15
2. Cơ cấu tổ chức Công ty	22
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	34
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết	35
5. Hoạt động kinh doanh	39
6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	44
7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	45
8. Chính sách đối với người lao động	49
9. Chính sách cổ tức	51
10. Tình hình hoạt động tài chính	52
11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Trưởng phòng Tài chính kế toán	57
12. Tài sản thuộc sở hữu Công ty	70
13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	78
14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	79
15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	80
16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.	80

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....	81
1. Loại chứng khoán	81
2. Mệnh giá.....	81
3. Mã chứng khoán.....	81
4. Tổng số chứng khoán niêm yết	81
5. Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành.....	81
6. Phương pháp tính giá.....	82
7. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	83
8. Các loại thuế có liên quan	83
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	85
1. Đơn vị tư vấn.....	85
2. Đơn vị kiểm toán:	85
VII. PHỤ LỤC	85

DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016F.....	8
Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016F.....	10
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin	22

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin	19
Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/10/2016	34
Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập.....	34
Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 15/10/2016	35
Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016..	39
Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016	40
Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016.....	41
Bảng 8: Danh mục phần mềm của Công ty.....	41
Bảng 9: Danh sách các hợp đồng tiêu biểu đã thực hiện.....	43
Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2014– 2015 và 9 tháng 2016	44
Bảng 11: Tình hình tài chính của các Doanh nghiệp cùng ngành.....	48
Bảng 12: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 11/2016	49
Bảng 13: Tình hình chi trả cổ tức ba năm gần nhất	51
Bảng 14: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.....	53
Bảng 15: Chi tiết số dư các khoản vay.....	53
Bảng 16: Chi tiết hàng tồn kho.....	54
Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu	55
Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả	55
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính	56
Bảng 20: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2015.....	70
Bảng 21: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty.....	71
Bảng 22: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2016 và 2017.....	78
Bảng 23: Danh sách nắm giữ cổ phần.....	81



NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sự phát triển của nền kinh tế thường được đánh giá thông qua tốc độ tăng trưởng kinh tế, sự biến động về lạm phát, lãi suất hay tỷ giá hối đoái... Các yếu tố này có những tác động mang tính hệ thống tới nền kinh tế. Sự biến động bất thường của các yếu tố này có thể gây ra những rủi ro cho các chủ thể tham gia vào nền kinh tế nói chung và Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin nói riêng.

1.1. Triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới

Theo nhận định của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), nền kinh tế thế giới năm 2016 sẽ diễn biến dưới kỳ vọng và không đồng đều. Nền kinh tế toàn cầu đang bị kìm hãm bởi những yếu tố như năng suất thấp, dân số già, những triển vọng chưa rõ ràng từ việc Mỹ nâng lãi suất và sự chững lại của nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc. Những biến động của nền kinh tế thế giới này được cho sẽ ảnh hưởng nhiều tới các thị trường tiền tệ, hàng hóa trong năm 2016.

Giá dầu đã giảm xuống mức thấp nhất trong 11 năm qua, tác động tiêu cực tới các nước xuất khẩu dầu mỏ lớn. Bên cạnh đó, tình hình căng thẳng giữa Nga và các nước phương Tây chưa có dấu hiệu lắng xuống cũng làm nền kinh tế đôi bên chịu thiệt hại không nhỏ. Nền kinh tế Châu Âu vẫn chưa thoát khỏi khó khăn lại đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng di cư từ Trung Đông, Bắc Phi và vụ tấn công khủng bố với mức độ nghiêm trọng chưa từng có. Triển vọng các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển sẽ chứng kiến nhịp độ tăng trưởng chậm hơn nhiều so với 5 năm liên tiếp vừa qua, với tăng trưởng năm 2016 có thể là 3,4% so với mức 3,1% trong năm 2015. Các nền kinh tế phát triển như Mỹ và Vương quốc Anh sẽ tiếp tục phục hồi chậm chạp mặc dù nhiều quốc gia vẫn đối mặt với sức ép giảm phát. Kinh tế Mỹ ước tăng trưởng 2,6% trong cả năm 2016 và năm 2017 trong khi khu vực Châu Âu được dự báo tăng trưởng 1,7%. Quốc gia có nền kinh tế hàng đầu Châu Á, Nhật Bản cũng đã bị IMF hạ dự báo tăng trưởng năm 2016 xuống 1% và trong năm 2017 ở mức 0,3%.

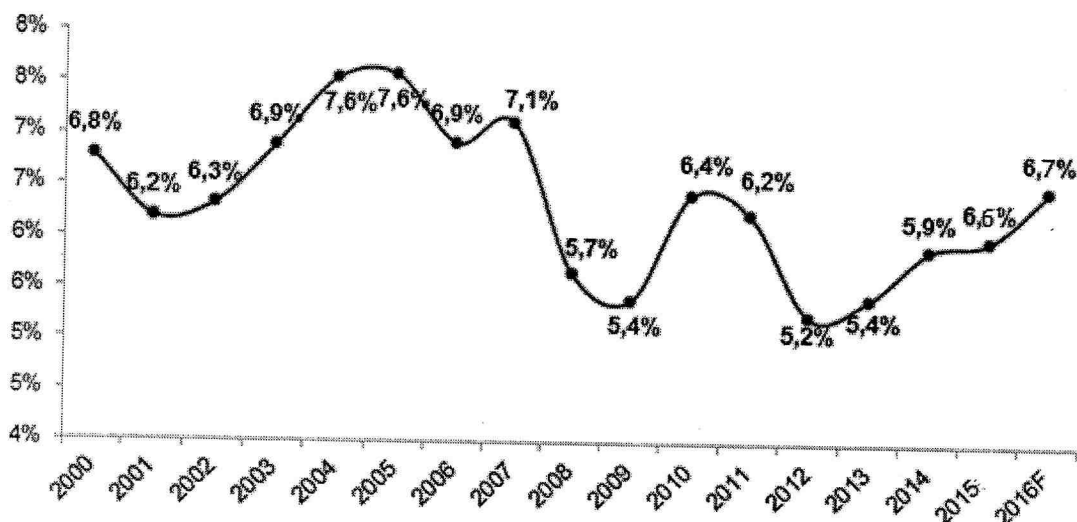
1.2. Tốc độ tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Những năm trở lại đây, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới.

¹ Nguồn: <http://www.imf.org/external/pubs/ft/weo/2016/update/01/>

Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) ngày 11/01/2007, nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu với nền kinh tế thế giới. Sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam ngày càng gắn kết chặt chẽ với xu thế phát triển chung của thế giới. Gia nhập WTO đồng nghĩa với việc hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ không bị bó hẹp trong các hiệp định song phương và khu vực mà sẽ có thị trường toàn cầu. Về nhập khẩu, với tư cách là thành viên của WTO, Việt Nam sẽ có cơ hội nhập khẩu hàng hóa có chất lượng và giá cả cạnh tranh, do đó người Việt Nam sẽ có lợi trong việc tiêu dùng. Việc nhập khẩu hàng hóa diễn ra dễ dàng sẽ làm cho hoạt động sản xuất-kinh doanh thuận lợi đối với các doanh nghiệp phải nhập khẩu công nghệ và nguyên liệu đầu vào cũng như các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, thương mại.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng kinh tế qua các năm 2000 – 2016F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

Sau khi chính thức trở thành thành viên của WTO, tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2009 tuy vẫn thấp hơn tốc độ tăng 5,7% của năm 2008, nhưng đã vượt mục tiêu tăng 5,0% của kế hoạch. Tính chung cả giai đoạn 2009-2011, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình đạt 6,0%. Đến năm 2012, trong khi nền kinh tế thế giới đang có nguy cơ suy thoái, đặc biệt là cuộc khủng hoảng nợ công ở Châu Âu đã làm ảnh hưởng đến nền kinh tế của các nước, trong đó có Việt Nam. Tuy vậy, tốc độ tăng trưởng GDP cả nước năm 2012 vẫn đạt con số 5,2%.

Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Tốc độ tăng của tổng sản phẩm trong nước GDP năm 2013 đạt 5,4%, tuy thấp hơn mục tiêu đề ra là 5,5% nhưng cao hơn mức tăng 5,2% của năm 2012 và được đánh giá là khả quan hơn. Không ngoài những dự báo, năm 2014 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt 5,9%, đưa Việt Nam trở thành nước có tốc độ tăng trưởng GDP cao thứ 2 thế giới (sau Trung Quốc). Bước sang năm 2015, Việt Nam đã đạt mục tiêu GDP năm 2015 đạt cao hơn năm 2014, ở mức 6,2%. Tính đến 6 tháng đầu năm

2015, tổng sản phẩm trong nước ước tính tăng 6,28% so với cùng kỳ năm 2014, cùng với đó rất nhiều các tổ chức tài chính uy tín quốc tế đã nâng mức triển vọng kinh tế của Việt Nam. Cũng trong quý I/2016, Việt Nam đã chính thức gia nhập hiệp định đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương (TPP) giữa 12 quốc gia với mục đích hội nhập nền kinh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Ngay lập tức, TPP đã tạo lực đẩy cho tăng trưởng kinh tế Việt Nam và mở ra cơ hội chiếm lĩnh vị thế xuất khẩu cho các lĩnh vực ngành nghề Việt Nam có thế mạnh.

Việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ sẽ là một trong những nhân tố giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực liên quan đến cơ sở hạ tầng nói riêng.

1.3. Lãi suất

Đối với một doanh nghiệp, rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Chính sách thắt chặt tiền tệ được thực hiện xuyên suốt trong năm 2011 nhằm đối phó với lạm phát. Thực tế trong thời gian đó, mức lãi suất trên thị trường ở mức cao và biến động mạnh. Với mức lãi suất vay từ 20 – 25%/năm đã gây khó khăn lớn cho các doanh nghiệp trong việc huy động vốn đáp ứng nhu cầu kinh doanh. Trên thị trường dân cư và tổ chức kinh tế, hiện tượng cạnh tranh huy động vốn giữa các ngân hàng và vượt trần lãi suất diễn ra phổ biến trong 8 tháng đầu năm. Tuy nhiên, ngay sau khi Ngân hàng nhà nước yêu cầu các Ngân hàng thực hiện nghiêm chỉnh trần lãi suất và xử phạt các tổ chức vi phạm, lãi suất huy động đã giảm về gần mức 14%.

Trong năm 2015, mặt bằng lãi suất, cả lãi suất huy động và lãi suất cho vay, giảm từ 0,2 – 0,5%. Dù không đạt được như kỳ vọng đầu năm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nhưng mặt bằng lãi suất này cũng đã hỗ trợ tích cực cho hoạt động sản xuất kinh doanh mà vẫn giữ được tính ổn định của thị trường tiền tệ. Theo đó, mức lãi suất cho vay đồng Việt Nam ngắn hạn tại thời điểm cuối năm 2015 là từ 7 – 9%/năm và kỳ hạn trung hạn là từ 9,3 – 11%/năm. Mức lãi suất cho vay của một số chương trình ưu tiên giảm nhẹ xuống khoảng 6,5 – 6,6%/năm. Bên cạnh đó, mặt bằng lãi suất liên ngân hàng tương đối ổn định trong năm vừa qua. Lãi suất kỳ hạn ngắn (từ dưới 1 tháng) có xu hướng giảm nhẹ, trong khi lãi suất kỳ hạn dài hơn (từ trên 3 tháng) có xu hướng tăng nhẹ. Nếu như thanh khoản trong năm 2014 là rất dồi dào thì thanh khoản hệ thống năm nay có chiều hướng giảm nhẹ, thể hiện qua hiện tượng lãi suất liên ngân hàng trong ngắn hạn đôi lúc biến động mạnh. Đây là hệ quả tất yếu của áp lực tỷ giá xuất hiện với cường độ mạnh.

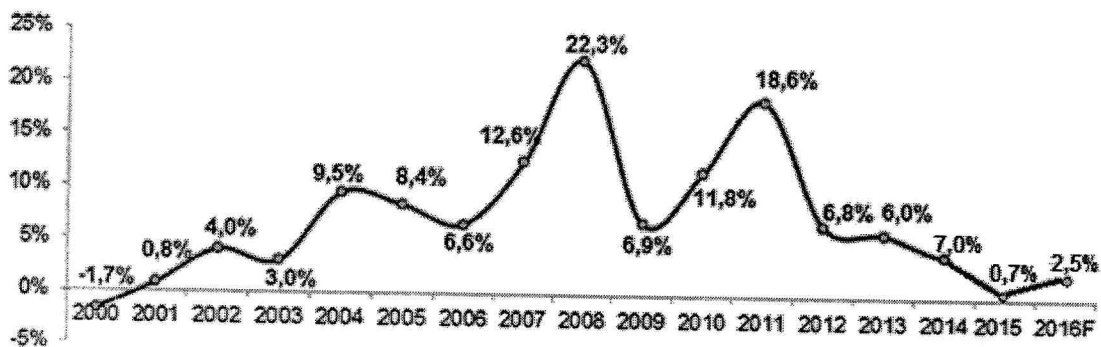
Dự đoán trong năm 2016, mặt bằng lãi suất sẽ ổn định trong xu hướng tăng dần, mức tăng có thể lên tới 0,5% trong năm 2016. Tăng trưởng tín dụng có thể đạt khoảng 18 – 20%. Cơ sở cho

dự đoán dựa trên kỳ vọng lạm phát gia tăng trong năm 2016, nhu cầu vốn phát hành trái phiếu Chính phủ và sự kiện FED thay đổi lãi suất USD vào thời điểm tháng 12/2015.

1.4. Lạm phát

Các rủi ro trong tài chính doanh nghiệp thường gắn liền với hiện tượng lạm phát trong nền kinh tế. Theo những số liệu được công bố, trong những năm gần đây Việt Nam đang đứng trước sức ép gia tăng lạm phát. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 4,0%.

Hình 2: Lạm phát Việt Nam qua các năm 2000 – 2016F



(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, Bloomberg, BMI)

Trong quá trình phát triển kinh tế 2000 - 2007, chính phủ Việt Nam muốn thúc đẩy nền kinh tế. Do đó, lạm phát ở Việt Nam xảy ra với xu hướng tăng và biến động với biên độ khá lớn góp phần tạo ra những biến động bất thường của giá cả nguyên nhiên vật liệu đầu vào, ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

Khủng hoảng tài chính dẫn đến sự suy thoái trong ngành ngân hàng vào giai đoạn 2008 – 2010. Chính phủ đã nói lỏng chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ để đối đầu với những vấn đề kinh tế trong giai đoạn 2011 – 2013. Từ năm 2012, tỷ lệ lạm phát được kiểm soát với mức tăng 6,8%, bằng 1/3 so với mức tăng của năm 2011, hoàn thành chỉ tiêu dưới 10% của năm 2012 mà Chính phủ đã đặt ra từ đầu năm. Kết thúc năm 2013, các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định hơn so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012. Lạm phát năm 2013 được kiềm chế, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12/2013 tăng 6,0%, thấp nhất trong 10 năm qua đạt mục tiêu đề ra là khoảng 8% so với năm 2012. Bắt đầu từ năm 2014, để ổn định nền kinh tế, chính phủ Việt Nam đặt mục tiêu kiểm soát lạm phát ở mức 5,0%. Tuy nhiên, sang năm 2015, lạm phát ghi nhận thấp nhất trong 15 năm quá, nguyên nhân chính là do chi phí đẩy giảm. Cụ thể, nguồn cung về lương thực, thực phẩm trong nước dồi dào, cùng với sự cạnh tranh với các nước đã khiến chỉ số giá nhóm lương thực năm 2015 giảm 1,24% so với cuối năm trước. Giá nhiên liệu trên thị trường thế giới gần đây giảm mạnh, đặc biệt là giá dầu cũng khiến nhóm hàng "nhà ở và vật liệu xây dựng" và "giao thông" năm 2015 lần lượt giảm 1,62% và 11,92%, so với năm trước, trong đó riêng giá

xăng dầu giảm gần 25% góp phần giảm CPI chung 0,9%. Ngoài ra việc CPI giảm còn do nguyên nhân chủ quan từ việc cắt giảm chi tiêu của người dân.

1.5. Tỷ giá

Là rủi ro xảy ra khi các giao dịch kinh tế được thực hiện bằng ngoại tệ và tỷ giá hối đoái biến động theo hướng bất lợi cho doanh nghiệp.

Tỷ giá là một trong những điểm nóng vĩ mô năm 2015 khi thị trường tài chính toàn cầu chứng kiến nhiều sự kiện bất thường. Có tới bốn lần biến động tỷ giá trong năm 2015, trong đó có ba lần phá giá đồng VND và hai lần điều chỉnh biên độ giao dịch. Lần điều chỉnh cuối cùng trong năm 2015 vào ngày 19/8 bao gồm phá giá VND thêm 1% và nâng biên độ giao dịch lên +/-3% từ mức +/-2% trước đó. Đến thời điểm gần nhất đầu năm 2016, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã ra quyết định về việc công bố tỷ giá trung tâm của VND với USD, tỷ giá tính chéo của VND với một số ngoại tệ khác. Nhìn chung, trong một năm đầy biến động từ nền kinh tế thế giới, nhờ tăng trưởng tích cực, cũng như việc xoay chuyển trọng tâm điều hành chính sách tiền tệ sang tỷ giá hối đoái của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nên tỷ giá đã có một năm tương đối ổn định nếu so với các đồng tiền khác trong khu vực.

2. Rủi ro về luật pháp

Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là hành lang pháp lý cho các doanh nghiệp trong mọi hoạt động của mình.

Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, mọi hoạt động của Công ty được điều chỉnh bởi hệ thống văn bản quy phạm pháp luật bao gồm: Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật và các thông tư hướng dẫn liên quan. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

Hoạt động của Công ty hiện ở chủ yếu ở lĩnh vực chính là kinh doanh than, Công ty phải chịu một số rủi ro đặc thù của ngành như sau:

- Rủi ro về chính sách

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu thuộc ngành than. Do vậy, những thay đổi trong chính sách vĩ mô liên quan đến ngành, những thay đổi trong chính sách, định hướng của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam (TKV) đều ảnh hưởng lớn đến kế hoạch và



kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Đặc thù hiện nay của ngành than là việc khai thác, xuất khẩu hay bán cho một số khách hàng của ngành than đều phụ thuộc vào đơn vị chủ quản là TKV, đôi khi cả về khối lượng và giá cả. Hoạt động của các công ty trong ngành vẫn chủ yếu dưới dạng hợp đồng giao thầu khai thác, chế biến, kinh doanh than với TKV.

- Rủi ro về môi trường:

Nước ta nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới, lượng mưa hàng năm rất lớn, mưa lớn thường tạo các đợt lũ làm nước sông dâng cao, trong khi đại đa số các kho bãi chứa than của Công ty đều nằm ven sông để thuận lợi cho việc vận chuyển đường thủy. Mức lũ lớn có thể tràn lên các kho bãi chứa than, làm trôi chảy than. Đây là rủi ro đặc thù ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong công tác chế biến than của Công ty.

4. Rủi ro về thị trường chứng khoán

Sau khi được chấp thuận niêm yết, cổ phiếu của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacominsẽ chính thức giao dịch và giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa theo cung và cầu thị trường. Giá cổ phiếu sau khi niêm yết của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng từ tình hình chung của Thị trường chứng khoán Việt Nam.

5. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố ... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty.



II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức niêm yết - Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Ông: **Vũ Văn Hà** Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Ông: **Đoàn Hữu Thung** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Ông: **Nguyễn Đức Vinh** Chức vụ: Trưởng Phòng Tài chính kế toán

Bà: **Đặng Thị Hải Hà** Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý và đã được kiểm toán.

2. Tổ chức tư vấn

Ông: **Chu Mạnh Hiền**

Chức vụ: Giám đốc Khối Tư vấn Tài chính Doanh nghiệp

(Theo giấy Ủy quyền số 17B/UQ-CKCT01 ngày 16/06/2016 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam)

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn niêm yết với Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin cung cấp.

068
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KINH DOANH
THAN MIỀN
BẮC -
VINACOMIN
HÀNG

III. CÁC KHÁI NIỆM

Từ, nhóm từ	Diễn giải
Công ty/ Tổ chức niêm yết/TMB	: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin
Tổ chức tư vấn/VietinBankSc	: Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam
HĐQT	: Hội đồng Quản trị
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
ĐHCĐ	: Đại hội đồng cổ đông
CTCP	: Công ty cổ phần
SGDCK	: Sở Giao dịch Chứng khoán
CMND	: Chứng minh nhân dân
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
ĐKDN	: Đăng ký doanh nghiệp
TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
DN	: Doanh nghiệp
DTT	: Doanh thu thuần
KTT	: Kế toán trưởng
BCTC	: Báo cáo tài chính
BKS	: Ban kiểm soát
CP	: Cổ phần
WB	: Ngân hàng Thế Giới
ADB	: Ngân hàng Phát triển Châu Á
ODA	: Hỗ trợ phát triển chính thức
TKV	: Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam
KD	: Kinh doanh
CB	: Chế biến

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển:

1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

Tên Công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

Tên giao dịch quốc tế : VINACOMIN-NORTH COAL TRADING JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt : VNCT., JSC

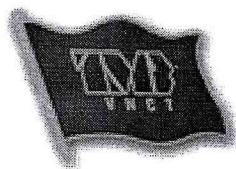
Trụ sở chính : Số 5, phố Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Điện thoại : 04. 38642793

Fax : 04. 38642792

Website : www.thanmienbac.vn

Logo



Giấy Chứng nhận ĐKDN : Giấy chứng nhận ĐKDN số: 0100100689 (số cũ 0103015276) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 02/01/2007, thay đổi lần 9 ngày 12/07/2016

Vốn điều lệ đăng ký : 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)

Vốn điều lệ thực góp : 100.000.000.000 (Một trăm tỷ đồng)

✦ ***Ngành nghề kinh doanh:***

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
Chi tiết: Kinh doanh than các loại;
- Chế biến than cốc.
Chi tiết: Chế biến than các loại;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.
- *Chi tiết:* Xuất nhập khẩu than. Nhập khẩu ủy thác vật tư;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Phá dỡ;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;

- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.
Chi tiết: Kinh doanh cơ sở hạ tầng, bất động sản và cho thuê văn phòng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch.
Chi tiết: Du lịch trong nước và lữ hành quốc tế;
- Dịch vụ ăn uống khác.
Chi tiết: Ăn uống, rượu bia, nước giải khát;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.
Chi tiết: Cho thuê thiết bị;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa.
Chi tiết: Cho thuê nhà xưởng, kho bãi, bến cảng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
Chi tiết: Kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.
Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, nguyên liệu phi quặng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Bốc xếp hàng hóa.

☛ **Ngành nghề kinh doanh chính:** kinh doanh than

1.2. ***Quá trình hình thành, phát triển***

Tiền thân của Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin là “Tổng công ty quản lý và phân phối than” được thành lập theo Quyết định số 1878/QĐ-TCCB ngày 19/12/1974 của Bộ Điện và than, làm nhiệm vụ quản lý Nhà nước về mặt hàng than và phân phối tiêu thụ than theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, cho các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân.

Đến năm 1988, mặt hàng than không còn thuộc diện vật tư do Nhà nước phân phối mà chuyển sang phương thức kinh doanh theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vì

vậy Tổng công ty quản lý và phân phối than được đổi thành Công ty Kinh doanh và Chế biến than Việt Nam.

Cuối năm 1994, Nhà nước thành lập "Tổng Công ty than Việt Nam" là Tổng công ty 91 hoạt động chính thức đầu từ năm 1995. Tổng Công ty than Việt Nam bao gồm các công ty sản xuất, kinh doanh than và các đơn vị sự nghiệp dịch vụ của ngành than. Trong đó có "**Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc**" được thành lập và hoạt động từ 01/4/1995 theo Quyết định số 140NL/TCCB-LĐ ngày 04/3/1995 của Bộ Năng Lượng, thành lập trên cơ sở tổ chức lại Công ty kinh doanh và chế biến than Việt Nam.

Đến ngày 17/9/2003, Chính phủ đã có Quyết định số 194/2003/QĐ-TTg chuyển Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thành Công ty TNHH Một thành viên Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc thuộc Tổng Công ty than Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam).

Năm 2006, thực hiện chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước, Công ty tiến hành cổ phần hoá và chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-TKV (chữ TKV thể hiện là doanh nghiệp trong Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam mà Tập đoàn có cổ phần chi phối) theo Quyết định số 4234/QĐ-BCN ngày 28/12/2005 của Bộ Công nghiệp. Ngày 02/01/2007, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015276 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Năm 2009, Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam lấy tên viết tắt là VINACOMIN, do đó Công ty đã đổi tên thành **Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin**, thể hiện là doanh nghiệp thành viên Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam (Vinacomin).

Năm 2007, công ty được UBCKNN chấp thuận trở thành công ty đại chúng;

Ngày 07/11/2016, công ty được TTLKCKVN cấp GCN ĐKCK với số lượng cổ phiếu đăng ký là 10.000.000 cổ phiếu.

✦ Các thành tích đạt được

Với những thành tựu đã đạt được trong suốt nhiều năm hình thành và phát triển, Công ty đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, các Bộ, ban ngành phong tặng nhiều phần thưởng cao quý, tiêu biểu như:

- Huân chương Lao động hạng nhất cho CBCNV Công ty vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 – 2010, góp phần vào sự nghiệp xây dựng Chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (Quyết định số 421/QĐ-CTN ngày 25/03/2011 của Chủ tịch nước).

- Nhiều đơn vị trực thuộc Công ty và cá nhân trong Công ty được tặng thưởng Huân chương lao động, danh hiệu chiến sỹ thi đua toàn quốc.

- Công ty và các đơn vị trực thuộc được Bộ Công nghiệp (nay là bộ Công Thương) tặng bằng khen về thành tích thi đua lao động sản xuất và thực hiện nhiệm vụ công tác hàng năm.

Ngoài ra, Công ty, các đơn vị trực thuộc và nhiều cá nhân trong Công ty được Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam, UBND các tỉnh, thành phố ... tặng nhiều bằng khen.

Hiện nay, Công ty được đánh giá là một trong những đơn vị mạnh trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng Sản Việt Nam.

10
CÔNG
CỔ
MINH
2. TH

1.3. Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

STT	Thời gian hoàn thành	Số vốn điều lệ tăng thêm (đồng)	Vốn điều lệ sau phát hành (đồng)	Phương thức tăng vốn	Hồ sơ pháp lý
1	01/2007		25.000.000.000	Cổ phần hóa, chuyển đổi thành công ty cổ phần	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0103015276 ngày 02/01/2007
2	06/2012	25.000.000.000	50.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 11/03/2012 - Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT ngày 5/3/2012 - Quyết định số 399/TMB-HĐQT ngày 28/05/2012. - Công văn số 289/TMB-TCKT ngày 18/4/2012 gửi UBCKNN đăng ký phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu - Báo cáo kết quả phát hành số 523/TMB-TCKT ngày 05/7/2012 gửi UBCKNN.

					<ul style="list-style-type: none"> - Công văn số 3157/UBCK-QLPH ngày 31/08/2012 vv phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu năm 2012 - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 6 ngày 24/09/2012 với số vốn điều lệ 50 tỷ đồng
3	06/2016	50.000.000.000	100.000.000.000	Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết và Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 26/04/2016 - Quyết định số 470/2016/QĐ-HĐQT ngày 18/05/2016 thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ. - Quyết định số 502/NQ-HĐQT ngày 30/5/2016 thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Nghị quyết số 608/NQ-HĐQT ngày 28/6/2016 thông qua kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Công văn số 471/TMB-VP ngày 18/5/2016 gửi UBCKNN báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu.

					<ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo số 609/BC-TMB ngày 28/6/2016 gửi UBCKNN báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Công văn số 2867/UBCK-QLCB ngày 26/05/2016 v/v phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Công văn số 4370/UBCK-QLCB ngày 06/7/2016 của UBCKNN về việc kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 9 ngày 12/07/2016 với số vốn điều lệ 100 tỷ đồng
--	--	--	--	--	---

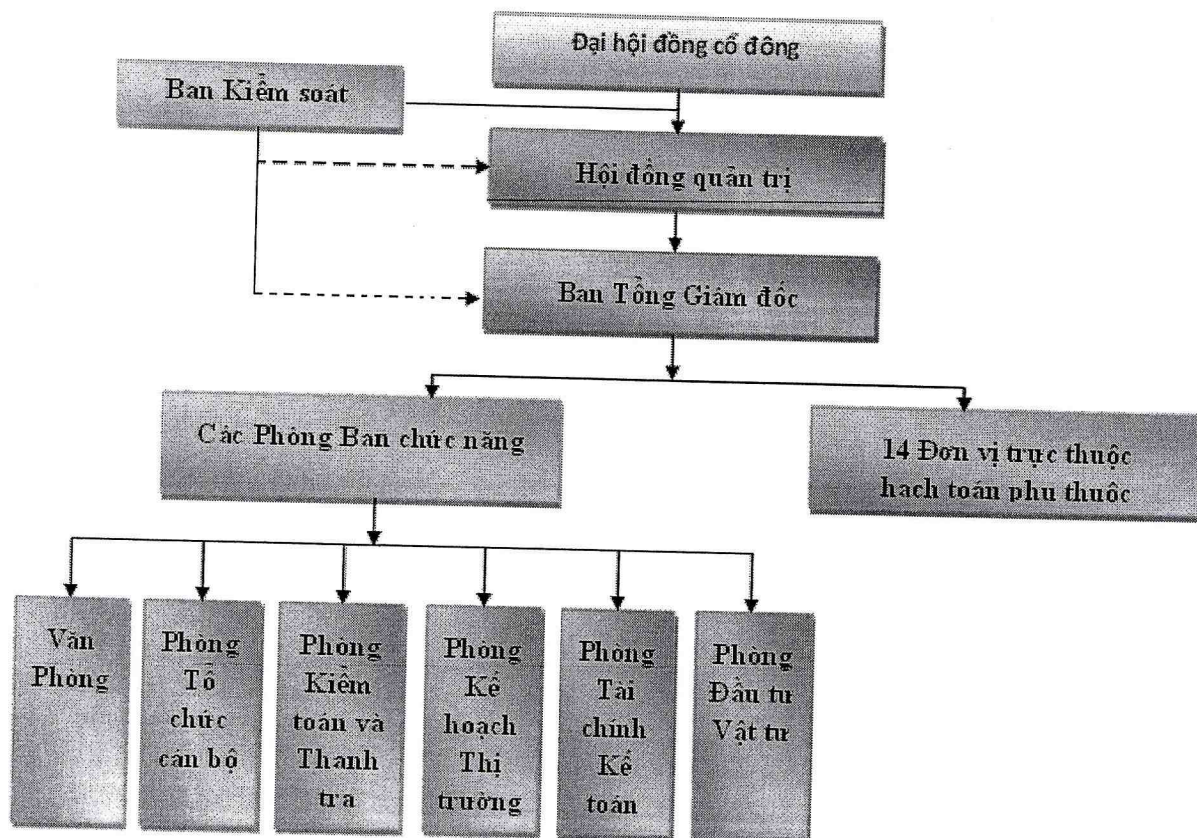
(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)



2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomincó cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý như sau:

Hình 3: Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý của CTCP Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin



(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

2.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty

Công ty có 14 Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc, chi tiết tại Phần 2.2.6

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin thiết lập cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý phù hợp với đặc điểm tình hình kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần trên cơ sở tuân thủ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tuân thủ quy định của Luật doanh nghiệp và quy định của pháp luật có liên quan. Tổ chức bộ máy quản lý hiện tại của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc

- Các phòng ban chức năng
- 14 đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc

2.2.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty và gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội cổ đông được tổ chức thường niên mỗi năm một lần và phải họp trong thời gian bốn (04) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2.2.2 Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty gồm có năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông Vũ Văn Hà	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Đoàn Hữu Thung	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Phan Tiến Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên Hội đồng quản trị
Ông Vũ Hữu Long	Thành viên Hội đồng quản trị

2.2.3 Ban kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty gồm ba (03) thành viên, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Các thành viên của Ban kiểm soát gồm:

Bà Đặng Thị Hải Hà	Trưởng ban
Ông Vũ Minh Chiến	Thành viên
Bà Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên

2.2.4 Ban Tổng giám đốc

Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và trực thuộc sự lãnh đạo của HĐQT. Công ty có một Tổng Giám đốc điều hành, một số Phó Tổng Giám đốc điều hành, một kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do HĐQT bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị

quyết HĐQT được thông qua một cách hợp thức. Tổng Giám đốc và Phó Tổng Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên HĐQT.

Ban Tổng Giám đốc hiện tại của Công ty bao gồm: 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

- **Tổng Giám đốc**

- + Thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;

- + Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của HĐQT, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

- + Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần thuê để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do HĐQT đề xuất, và tư vấn để HĐQT quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý;

- + Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;

- + Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;

- + Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được ĐHĐCĐ và HĐQT thông qua;

- + Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

- + Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là Bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- + Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế của Công ty, các quyết định của HĐQT và pháp luật.

- **Phó Tổng Giám đốc**

Được Tổng Giám đốc giao quyền hoặc ủy quyền điều hành theo những công việc hoặc lĩnh vực quản lý nhất định. Khi được giao nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc có trách nhiệm tổ chức thực hiện và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về kết quả thực hiện của mình.

2.2.5 Các phòng ban chức năng

Có nhiệm vụ tham mưu cho Tổng Giám đốc về quản lý chỉ đạo trong lĩnh vực phụ trách, triển khai, cụ thể hóa công việc theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc Công ty trong hoạt

động sản xuất kinh doanh của Công ty.

a) Văn phòng Công ty:

Chức năng: Là tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác tổng hợp, hành chính, thi đua khen thưởng của Công ty và công tác quản trị Cơ quan điều hành Công ty.

Nhiệm vụ quyền hạn:

- **Công tác thư ký tổng hợp:**

+ Tổ chức các cuộc họp, thư ký tổng hợp, thông báo kết luận các cuộc họp do lãnh đạo Công ty chủ trì; chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc của lãnh đạo Công ty với cấp trên, đối tác, bạn hàng;

+ Tham mưu, tư vấn cho Tổng Giám đốc trong quá trình quản lý, chỉ đạo, điều hành công việc và xử lý văn bản;

+ Sắp xếp, bố trí, trình duyệt lịch công tác, chương trình làm việc của lãnh đạo Công ty;

+ Theo dõi, đôn đốc các phòng, đơn vị trực thuộc thực hiện công việc theo ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo Công ty hoặc kế hoạch công tác đã được lãnh đạo Công ty phê duyệt;

+ Tổng hợp báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ hàng tháng, quý của các phòng, đơn vị trực thuộc theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty.

- **Công tác hành chính:**

+ Tổ chức tiếp nhận, phân phối và xử lý công văn, tài liệu “đến”; tiếp nhận, phát hành công văn, tài liệu “đi” theo đúng quy trình nghiệp vụ về văn thư;

+ Quản lý, sử dụng và bảo quản con dấu của Công ty;

+ Tổ chức tiếp nhận, bảo quản và khai thác tài liệu lưu trữ;

+ Được thừa lệnh Tổng Giám đốc ký cấp giấy giới thiệu, giấy đi đường cho cán bộ, công nhân, viên chức Cơ quan điều hành Công ty; ký điều động xe con phục vụ công tác;

+ Tổ chức đánh máy, in ấn tài liệu, công văn, thông tin liên lạc của Cơ quan điều hành Công ty (trừ những công văn do các phòng nghiệp vụ tự soạn thảo).

- **Công tác đối ngoại:**

+ Thay mặt Tổng Giám đốc tiếp khách và giải quyết công việc mà đối tượng đến quan hệ; mức độ, tính chất công việc chưa cần đến lãnh đạo Công ty giải quyết và không thuộc phạm vi chức năng các phòng chuyên môn nghiệp vụ khác;

+ Tổ chức đón tiếp, hướng dẫn khách đến quan hệ, làm việc với Công ty.

- **Công tác thi đua, khen thưởng:**

+ Tham mưu chính cho lãnh đạo Công ty về công tác thi đua khen thưởng, là thường trực hội đồng thi đua khen thưởng Công ty, thực hiện nhiệm vụ tổng hợp, đề xuất, báo cáo các công

việc liên quan đến thi đua khen thưởng;

+ Hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra công tác thi đua, khen thưởng của các đơn vị trực thuộc.

- **Công tác quản trị:**

+ Tham mưu và tổ chức thực hiện các chuyên công tác của lãnh đạo, các cuộc họp, hội nghị, sự kiện của Công ty;

+ Đảm bảo các dịch vụ điện, nước, an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường, thông tin liên lạc, y tế cho Cơ quan điều hành Công ty;

+ Phụ trách công tác thông tin, truyền thông của Công ty;

+ Phụ trách Website của Công ty;

+ Trực tiếp quản lý tài sản sử dụng tại cơ quan điều hành Công ty;

+ Quản lý, bố trí, điều động xe đưa, đón cán bộ đi công tác theo chương trình được lãnh đạo Công ty đồng ý;

+ Thực hiện việc mua, bán, tiếp nhận, cấp phát, điều động, thay thế, sửa chữa, cải tạo tất cả các tài sản, thiết bị, công cụ, văn phòng phẩm, xăng dầu, vật tư sử dụng tại Cơ quan điều hành Công ty (Trừ công tác đầu tư xây dựng cơ bản do phòng đầu tư và vật tư tham mưu);

+ Tham mưu chính trong việc định mức, quyết toán sử dụng xăng dầu cho các xe ô tô phục vụ công tác điều hành.

- **Công tác bảo vệ, quân sự:**

+ Phụ trách công tác an ninh, bảo vệ chính trị nội bộ, công tác bảo vệ tài sản tại Cơ quan Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Tham mưu việc tổ chức thực hiện công tác quốc phòng tại Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Tổ chức thực hiện công tác quốc phòng tại Cơ quan điều hành Công ty.

- **Công tác khác:** Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

b) Phòng Tổ chức cán bộ

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về công tác tổ chức kinh doanh, công tác cán bộ, công tác lao động tiền lương của Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- **Công tác tổ chức kinh doanh:**

+ Tham mưu đề xuất sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Đề xuất các phương án tái cơ cấu (thành lập mới, sáp nhập, giải thể các bộ phận, tổ

chức kinh doanh) tại Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Xây dựng Quy chế làm việc của HĐQT, phân công nhiệm vụ trong HĐQT, phân công nhiệm vụ trong Ban lãnh đạo điều hành; ủy quyền lãnh đạo, điều hành của HĐQT và Tổng Giám đốc;

+ Soạn thảo Quy chế thực hiện dân chủ trong Công ty và đề xuất xếp hạng doanh nghiệp của Công ty và các đơn vị trực thuộc theo quy định của Nhà nước;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế làm việc của HĐQT, phân công nhiệm vụ Ban lãnh đạo điều hành, Quy chế thực hiện dân chủ và Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn các phòng của Công ty;

+ Hướng dẫn kiểm tra việc thực hiện các phương án cơ cấu, tái cơ cấu tại Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Tham gia kiểm tra các quy chế, quy định do các phòng khác chủ trì dự thảo về tính tuân thủ các quy định quản lý tổ chức và cán bộ theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

+ Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ theo các quy định của Đảng, Nhà nước, Tập đoàn và Công ty.

- Công tác cán bộ:

+ Tham mưu xây dựng tiêu chuẩn các chức danh cán bộ, Quy chế quản lý cán bộ và Quy chế tuyển dụng của Công ty;

+ Tham mưu thực hiện công tác nhân sự (tiếp nhận, tuyển dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại; điều động, luân chuyển; cử người đại diện; miễn nhiệm; cho thôi làm đại diện; đánh giá, kiểm điểm, kỷ luật; cho thôi việc, nghỉ hưu) đối với người lao động, cán bộ Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc theo phân cấp;

+ Đề xuất các phương án quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ diện Công ty quản lý;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Quy chế quản lý cán bộ;

+ Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quyết định của HĐQT, Tổng Giám đốc về công tác cán bộ;

+ Hướng dẫn, kiểm tra nghiệp vụ công tác cán bộ theo các quy định của Đảng, Nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam và Công ty.

- Công tác lao động tiền lương:

+ Tham mưu tổ chức thực hiện công tác quản lý lao động, tiền lương và chế độ, chính sách có liên quan đến người lao động tại Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương của Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;

- + Chủ trì xây dựng, hệ thống thang bảng lương, quy chế tiền lương của Công ty;
- + Soạn thảo Thỏa ước lao động tập thể và Nội quy lao động của Công ty;
- + Lập kế hoạch lao động, tiền lương của Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Tham mưu công tác trả lương, thưởng, nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, phúc lợi xã hội và các chế độ chính sách khác có liên quan đến người lao động trong Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Tham mưu thực hiện chính sách đối với người lao động dôi dư của Công ty trong quá trình cơ cấu lại lao động;
- + Hướng dẫn, kiểm tra, các đơn vị trực thuộc thực hiện Thỏa ước lao động tập thể, nội quy lao động và các quy định của Công ty, Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam và pháp luật về lao động tiền lương;
- + Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra các đơn vị trực thuộc trả lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, phúc lợi xã hội... cho CBCNV đơn vị trực thuộc;
- + Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch lao động tiền lương và việc trả lương cho người lao động của các đơn vị trực thuộc;
- + Phối hợp cùng các đơn vị trực thuộc giải quyết tranh chấp về quyền và lợi ích giữa người sử dụng lao động và người lao động.

- Công tác đào tạo:

- + Tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ quy hoạch, cán bộ đương chức các đơn vị trực thuộc thuộc diện Công ty quản lý và cán bộ Cơ quan điều hành Công ty;
- + Đề xuất cử cán bộ đi học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn ở các trường trong, ngoài Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam;
- + Đề xuất việc bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức cán bộ cho bộ phận tổ chức hành chính các đơn vị trực thuộc.

- Công tác an toàn lao động, bảo hộ lao động và phòng chống cháy nổ (ATLĐ, BHLĐ & PCCN):

- + Tham mưu, đề xuất việc tổ chức thực hiện công tác ATLĐ, BHLĐ, PCCN của Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Soạn thảo các nội quy, quy định về công tác ATLĐ, BHLĐ, PCCN của Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Tổ chức, chỉ đạo công tác huấn luyện, sát hạch về ATLĐ, BHLĐ và PCCN đối với CBCNV Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Hướng dẫn, kiểm tra, đề xuất xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện công tác ATLĐ, BHLĐ, PCCN tại Cơ quan điều hành Công ty và các đơn vị trực thuộc.

- **Công tác pháp chế:** Thực hiện theo Quy định tổ chức và hoạt động pháp chế trong Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin ban hành kèm theo Quy định số 895/QĐ-TMB ngày 16/12/2013.

- **Công tác khác:**

- + Tổ chức cho CBCNV Công ty đi học tập, nghiên cứu, khảo sát thị trường hoặc tham quan, du lịch trong nước và nước ngoài;
- + Quản lý nhân sự và hồ sơ CBCNV Cơ quan điều hành Công ty.
- + Phối hợp quản lý hồ sơ cán bộ các đơn vị trực thuộc thuộc diện Công ty quản lý;
- + Thông báo ý kiến chỉ đạo về công tác tổ chức cán bộ của Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc (nếu được ủy nhiệm);
- + Xác nhận hồ sơ cán bộ công nhân viên Cơ quan điều hành Công ty;
- + Là thường trực Hội đồng nâng lương Công ty;
- + Là thường trực công tác ATLĐ của Công ty;
- + Tổ chức các lớp bồi dưỡng và thi nâng bậc lương cho người lao động trực tiếp và công nhân kỹ thuật trong Công ty;
- + Phối hợp, chỉ đạo thực hiện kế hoạch điều dưỡng, phục hồi chức năng cho CBCNV của Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam tại Công ty;
- + Phụ trách công tác khám sức khỏe định kỳ và may trang phục cho cán bộ công nhân viên;
- + Tổng kết, báo cáo chuyên đề thuộc lĩnh vực của Phòng;
- + Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

c) Phòng Kế hoạch thị trường

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác kế hoạch, thị trường, quản trị chi phí, quản lý giá.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- **Công tác kế hoạch:**

- + Chủ trì xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh Công ty bao gồm: trực tiếp lập kế hoạch mua, bán, chế biến, tồn kho, giá thành, giá bán; tổng hợp kế hoạch lao động, tiền lương, tài chính; tổng hợp kế hoạch đầu tư, mua sắm, sửa chữa tài sản, bảo vệ môi trường...;
- + Chủ trì tổng hợp giao kế hoạch sản xuất kinh doanh quý, năm cho các đơn vị trực thuộc;
- + Soạn thảo (hoặc hướng dẫn soạn thảo) và chuẩn bị các điều kiện để ký kết (hoặc ủy quyền ký kết) các hợp đồng kinh tế mua, bán, vận chuyển, bốc xếp than của Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các hợp đồng kinh tế mua, bán, vận chuyển, bốc xếp than của Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Tham mưu giúp Tổng giám đốc giải quyết các mối quan hệ công tác với cấp trên, cơ quan quản lý Nhà nước về lĩnh vực kế hoạch, chi phí, giá thành, giá bán;

+ Giao kế hoạch và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác giao nhận than cho hộ lớn theo kế hoạch và chỉ đạo của Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.

- **Công tác khoán quản trị chi phí:**

+ Tham mưu, đề xuất kế hoạch giao khoán, quản trị chi phí cho các đơn vị trực thuộc;

+ Chủ trì xây dựng các quy chế khoán, quản trị chi phí trong quá trình chế biến và kinh doanh, tiêu thụ than; cách thức tính toán đơn giá, chi phí cho các công đoạn, xác định giá thành, giá bán trong nội bộ Công ty;

+ Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện các quy chế khoán, quản trị chi phí của các đơn vị trực thuộc;

+ Đề xuất các biện pháp tăng cường công tác quản trị chi phí nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty;

+ Thường trực Ban khoán quản trị chi phí Công ty.

- **Công tác thị trường và các công tác khác:**

+ Khảo sát, nghiên cứu và đề xuất kế hoạch, giải pháp quản lý và phát triển thị trường của Công ty và các đơn vị trực thuộc;

+ Đề xuất các giải pháp về cơ chế mua, bán, chế biến, vận chuyển, bốc xếp và quản lý khách hàng.

+ Chủ trì công tác kiểm kê kho than của các đơn vị trực thuộc;

+ Đôn đốc thu hồi công nợ bán hàng;

+ Tổng hợp báo cáo công tác kế hoạch, thị trường;

+ Tham mưu công tác phòng chống bảo lữ, thường trực ban chỉ đạo công tác phòng chống bảo lữ Công ty;

+ Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

d) Phòng Tài chính kế toán

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty và Kế toán trưởng về công tác tài chính, kế toán, thống kê, kiểm kê theo các quy định của Luật Kế toán, các văn bản hướng dẫn của Nhà nước và Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- **Công tác tài chính, kế toán:**

068
TY
HÂN
ANH
HÊN B
VINAC
H XU

- + Chủ trì xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định về quản lý, nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính, kế toán, thống kê, kiểm kê;
- + Tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính quý, năm và kế hoạch kinh doanh của Công ty;
- + Tham mưu việc xét duyệt, giao kế hoạch kinh doanh quý, năm cho các đơn vị trực thuộc;
- + Quản lý, huy động, sử dụng, phân bổ các nguồn vốn của Công ty đúng quy định của pháp luật và Tập đoàn Công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam;
- + Quản lý, theo dõi, tổng hợp việc vay và trả nợ ngân hàng, lãi tiền vay, lãi chậm trả, đối trừ công nợ với TKV;
- + Tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính, thống kê, kiểm kê của Công ty; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tài chính, kế toán, thống kê, kiểm kê của các đơn vị trực thuộc;
- + Lập các báo cáo kế toán, quyết toán quý, năm của Công ty; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập báo cáo kế toán, quyết toán;
- + Lập các báo cáo quyết toán vốn đầu tư; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập báo cáo quyết toán vốn đầu tư;
- + Lập báo cáo thống kê của Công ty; hướng dẫn các đơn vị trực thuộc lập báo cáo thống kê;
- + Tham gia công tác quản lý và theo dõi giá cả;
- + Tham gia công tác khoán quản trị chi phí;
- + Theo dõi, chỉ đạo việc quản lý tiền hàng, công nợ của các đơn vị trực thuộc theo các quy định Nhà nước, TKV và Công ty.

- Công tác khác:

- + Tham mưu về mặt giá trị, giá cả công tác mua sắm hàng hoá, dịch vụ; giá trị, giá cả công tác đánh giá, cải tạo, sửa chữa, nhượng bán, thanh lý tài sản;
- + Lưu trữ và chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lưu trữ chứng từ kế toán theo quy định của Luật Kế toán;
- + Nhận và phân phối hóa đơn GTGT cho các đơn vị trực thuộc, quản lý và quyết toán hóa đơn đúng quy định;
- + Tổng kết, báo cáo chuyên đề thuộc lĩnh vực của Phòng;
- + Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

e) Phòng Kiểm toán và thanh tra:

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong công tác kiểm toán nội bộ, thanh tra trong toàn Công ty.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Công tác kiểm toán:

+ Kiểm toán việc tuân thủ chế độ chính sách Nhà nước, quy định của TKV và Công ty ở các đơn vị trực thuộc và Cơ quan điều hành Công ty;

+ Kiểm toán các báo cáo kế toán, dự án đầu tư: kiểm tra xác định tính đúng đắn, trung thực, hợp pháp của các báo cáo kế toán; dự toán, quyết toán của các đơn vị trực thuộc và Cơ quan điều hành Công ty;

+ Kiểm toán việc thực hiện nghĩa vụ thu nộp của các đơn vị trực thuộc đối với Công ty, TKV và ngân sách Nhà nước;

+ Trên cơ sở kết quả kiểm toán, đưa ra những đánh giá, kết luận về các sai sót, vi phạm cần được ngăn ngừa, xử lý và đề xuất biện pháp giải quyết những vướng mắc ở các đơn vị trực thuộc;

+ Là đầu mối làm việc với kiểm toán cấp trên, kiểm toán độc lập; phối hợp với các phòng, đơn vị để thực hiện nội dung kiểm toán cấp trên, kiểm toán độc lập yêu cầu;

- Công tác Thanh tra:

+ Lập chương trình, kế hoạch và tổ chức thanh tra định kỳ, đột xuất các đơn vị trực thuộc;

+ Chủ trì xem xét, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền giải quyết của Công ty.

+ Nghiên cứu, đề xuất cách thức giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo cán bộ diện Công ty quản lý;

+ Tham mưu giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo mà thủ trưởng các đơn vị trực thuộc đã giải quyết nhưng đương sự còn tiếp tục khiếu nại hoặc phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật;

+ Trưởng phòng hoặc Phó Trưởng phòng được ký các biên bản kiểm tra, văn bản kết luận vụ việc và gửi thông báo cho các đơn vị trực thuộc có liên quan.

+ Công tác khác: Tham gia chỉ đạo công tác kiểm kê; Tổng kết, báo cáo các chuyên đề thuộc lĩnh vực của Phòng; Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

f) Phòng Đầu tư vật tư:

Chức năng: Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án đầu tư của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

Nhiệm vụ, quyền hạn:

- Công tác đầu tư xây dựng:

+ Tham mưu sửa đổi, bổ sung các quy chế về quản lý đầu tư xây dựng, các quy định về điều hành của Công ty trong lĩnh vực đầu tư xây dựng;

+ Đề xuất các dự án đầu tư, hình thức đầu tư, huy động vốn, cơ chế quản lý đầu tư, của



Công ty;

- + Xây dựng kế hoạch đầu tư quý, năm và dài hạn của Công ty và các đơn vị trực thuộc;
- + Đề xuất thuê cơ quan tư vấn lập, thẩm định, trình duyệt báo cáo tiền khả thi, báo cáo khả thi, báo cáo đầu tư, thiết kế kỹ thuật, dự toán, thiết kế bản vẽ thi công, giám sát thi công các hạng mục công trình đầu tư xây dựng của Công ty;
- + Quản lý, soạn thảo hoặc hướng dẫn soạn thảo các hợp đồng kinh tế trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản;
- + Cùng các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan Nhà nước trong việc đền bù, giải phóng mặt bằng các công trình xây dựng;
- + Kiểm tra, giám sát việc thực hiện các định mức, đơn giá xây dựng cơ bản, bổ sung sửa đổi định mức và đơn giá trong nội bộ; kiểm tra giám sát quá trình thi công các công trình;
- + Phối hợp với các phòng, ban quản lý dự án, các bộ phận liên quan giúp Tổng giám đốc phê duyệt nghiệm thu, thanh quyết toán và bàn giao công trình;
- + Theo dõi, quản lý đất đai, tài sản là vật kiến trúc (nhà xưởng, nhà ở, công trình phúc lợi...) do Công ty đang quản lý;
- + Trực tiếp quản lý hợp đồng gốc, bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của Công ty;
- + Đề xuất phương án sửa chữa và thanh lý các tài sản cố định là vật kiến trúc, nhà cửa, thiết bị, phương tiện.

- Công tác vật tư:

- + Hướng dẫn, tổng hợp và lập kế hoạch mua sắm ô tô, thiết bị máy móc, vật tư phục vụ công tác điều hành và chế biến kinh doanh than;
- + Theo dõi, chỉ đạo, kiểm tra giám sát các đơn vị trực thuộc mua sắm, quản lý, sử dụng vật tư, ô tô, thiết bị, máy móc;
- + Lập, theo dõi, giám sát việc thực hiện phương án điều phối vật tư, thiết bị giữa các đơn vị trực thuộc để khai thác, sử dụng có hiệu quả;
- + Chủ trì kiểm tra và lập phương án xử lý các vật tư, thiết bị tồn kho, lạc hậu, kém chất lượng tại các đơn vị;
- + Xây dựng quy chế quản lý thiết bị máy móc, vật tư; theo dõi việc thực hiện và hiệu chỉnh các định mức tiêu hao vật tư hợp lý, hiệu quả;
- + Chủ trì cùng các phòng liên quan hướng dẫn các đơn vị trực thuộc thực hiện báo cáo quyết toán các vật tư chủ yếu;
- + Hướng dẫn, lập phương án và báo cáo quyết toán các dự toán sửa chữa lớn ô tô, thiết bị, máy móc.

- **Công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật:**

+ Xây dựng kế hoạch, theo dõi, tổng hợp công tác nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong Công ty;

+ Thu thập, phổ biến các thông tin về tiến bộ kỹ thuật trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;

+ Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để các đơn vị trực thuộc nghiên cứu áp dụng.

- **Công tác bảo vệ môi trường:**

+ Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường của Công ty và các đơn vị trực thuộc.

+ Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra các đơn vị trực thuộc thực hiện công tác bảo vệ môi trường;

+ Thực hiện chế độ báo cáo công tác môi trường theo quy định.

- **Công tác khác:** Tổng kết, báo cáo chuyên đề thuộc lĩnh vực của Phòng; Thực hiện những nhiệm vụ khác theo chỉ đạo của lãnh đạo Công ty.

2.2.6 Các đơn vị trực thuộc: 14 đơn vị hạch toán phụ thuộc (xem mục 4.2)

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty

Bảng 2: Danh sách cổ đông nắm trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm 15/10/2016

STT	Tên cổ đông	CMTND số (hoặc Hộ chiếu số)	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	6.744.000	67,44
Tổng cộng				6.744.000	67,44

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomín)

3.2. Danh sách cổ đông sáng lập

Bảng 3: Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Cổ đông	Số CMND/Hộ chiếu/DKDN	Địa chỉ	Cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu %
1	Tập đoàn công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam	5700100256	Số 226, Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội	6.744.000	67,44

Tổng cộng	6.744.000	67,44
------------------	------------------	--------------

(Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKDN số 0100100689 cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 12/07/2016 và sổ cổ đông ngày 15/10/2016 của CTCP Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Ghi chú: Công ty được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh theo mô hình công ty cổ phần lần đầu vào ngày 02/01/2007. Tính đến thời điểm hiện nay cổ đông sáng lập của Công ty không còn bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3. Cơ cấu cổ đông

Bảng 4: Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm 15/10/2016

STT	Danh mục	Số cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	652	10.000.000	100
1	Tổ chức	1	6.744.000	67,44
2	Cá nhân	651	3.256.000	32,56
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-
1	Tổ chức	-	-	-
2	Cá nhân	-	-	-
III	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
IV	Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-
Tổng cộng		652	10.000.000	100

(Nguồn: Danh sách cổ đông ngày 15/10/2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

4.1. Công ty mẹ

- Tên Công ty mẹ: Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam.
- Địa chỉ: Số 226, Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, Hà Nội.
- Vốn điều lệ đăng ký: 35.000.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng chẵn).
- Vốn điều lệ thực góp: 35.000.000.000.000 đồng (Ba mươi lăm nghìn tỷ đồng chẵn).
- Số cổ phần nắm giữ tại Công ty: 6.744.000 cổ phần, tương đương 67,44% Vốn Điều lệ của Công ty.

- Lĩnh vực hoạt động: Công nghiệp than; Khoáng sản; Công nghiệp điện; Công nghiệp cơ khí và Vật liệu,...

4.2. Các đơn vị trực thuộc của CTCP Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

TT	Đơn vị trực thuộc/Trạm, cửa hàng kinh doanh	Địa chỉ
I	Chi nhánh Công ty CPKD than Miền Bắc tại Quảng Ninh	11, Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh
II	Công ty KD than Hải Phòng	Số 105, đường Trần Phú, TP Hải Phòng
1	Trạm CB&KD than Cửa Cấm	
2	Trạm CB&KD than Thủy Nguyên	
3	Trạm CB&KD than Minh Đức	
4	Trạm CB&KD than Hải Dương	
5	Trạm CB&KD than Vật Cách	
6	Phân xưởng CB&KD than Máy Chai	
7	Cửa hàng KD than Cống Cầu	
III	Công ty KD than Hà Nội	5, Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội
1	Trạm CB&KD than Vĩnh Tuy	
2	Trạm CB&KD than Giáp Nhị	
3	Trạm CB&KD than Ô Cách	
4	Trạm CB&KD than Cổ Loa	
5	Trạm CB&KD than Sơn Tây	
6	Trạm CB&KD than Hòa Bình	
IV	Công ty KD than Bắc Lạng	Khu 1, đường Hoàng Quốc Việt, p Thị Cầu, tp Bắc Ninh, Bắc Ninh
1	Trạm CB&KD than Lạng Sơn	
2	Trạm CB&KD than Lạng Giang	
3	Trạm CB&KD than Đáp Cầu	
4	Trạm CB&KD than Quế Võ	
5	Trạm CB&KD than Bắc Giang	
6	Trạm CB&KD than Như Nguyệt	
7	Trạm CB&KD than Lương Tài	
8	Trạm CB&KD than Phả Lại	
V	Công ty KD than Bắc Thái	Tổ 6, Phường Tân Long, TP Thái Nguyên, Thái Nguyên

1	Trạm CB&KD than Thái Nguyên	
2	Trạm CB&KD than Phổ Yên	
3	Trạm CB&KD than Đa Phúc	
4	Trạm CB&KD than Thuận Thành	
VI	Công ty KD than Vĩnh Phú	Tổ 16, phố Kiến Thiết, Phường Bến Gót, TP Việt Trì, Phú Thọ
1	Trạm CB&KD than Việt Trì I	
2	Trạm CB&KD than Việt Trì II	
3	Trạm CB&KD than Bạch Hạc	
4	Trạm CB&KD than Vân Cờ	
5	Trạm CB&KD than Hương Canh	
6	Trạm CB&KD than Đoàn Hùng	
7	Trạm CB&KD than Phú Thọ	
8	Trạm CB&KD than Tam Thanh	
VII	Công ty KD than Tây Bắc	Số 1, đường Trần Nguyên Hãn, Phường Hồng Hà, tp Yên Bái, Yên Bái
1	Trạm CB&KD than Tuyên Quang	
2	Trạm CB&KD than Yên Bái	
3	Trạm CB&KD than Lào Cai	
4	Trạm CB&KD than Yên Lãng	
5	Cửa hàng KD than Cam Đường	
6	Cửa hàng KD than Phố Lu	
VIII	Công ty KD than Hà Nam Ninh	Km số 2, Văn Cao, Phường Văn Miếu, TP Nam Định, Nam Định
1	Trạm CB&KD than Nam Định	
2	Trạm CB&KD than Thái Bình	
3	Phân xưởng chế biến than Lộc An	
4	Trạm CB&KD than Yên Bằng	
5	Trạm CB&KD than Yên Nhân	
IX	Công ty KD than Thanh Hóa	Số 75, Quang Trung, Phường Ngọc Trạo, TP Thanh Hóa, Thanh Hóa
1	Trạm CB&KD than Hàm Rồng	
2	Trạm CB&KD than Lễ Môn I	
3	Trạm CB&KD than Lễ Môn II	
4	Trạm CB&KD than Hà Trung	

5	Trạm CB&KD than Hoàng Lý	
6	Trạm CB&KD than Thành Phố	
7	Cửa hàng KD than Hoàng Mai	
X	Công ty KD than Nghệ Tĩnh	Số 124 đường Trần Hưng Đạo, TP Vinh, Nghệ An
1	Trạm CB&KD than Vinh	
2	Trạm CB&KD than Vinh Hưng	
3	Trạm CB&KD than Bến Thủy	
4	Cửa hàng than Văn phòng	
5	Trạm CB&KD than Hà Tĩnh	
6	Phân xưởng than Đông Vĩnh	
XI	Trạm KD than bùn Hòn Gai	11, Lê Thánh Tông, TP Hạ Long, Quảng Ninh
XII	Công ty KD than Hà Nam	Xóm 2, phường Thanh Tuyền, thành phố Phủ Lý, Hà Nam
1	Trạm CB&KD than Thanh Hải	
2	Trạm CB&KD than Thanh Tuyền	
XIII	Công ty KD than Ninh Bình	Số 70, phố Ngọc Xuân, phường Thanh Bình, tp Ninh Bình, Ninh Bình
1	Trạm CB&KD than Tân Bình	
2	Trạm CB&KD than Khánh Phú	
3	Trạm CB&KD than Yên Khánh	
XIV	XN KD than Cầu Đuống	342A, Ngô Gia Tự, Long Biên, Hà Nội
1	Trạm CB&KD than Cầu Đuống	
3	Trạm CB&KD than Vạn Điểm	
2	Trạm CB&KD than Thạch Bàn	

4.3. Những công ty mà tổ chức Đăng ký niêm yết đang nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối:

Không có

4.4. Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Công ty

Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

Thông tin về Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam – Xem phần 4.1 –

Công ty mẹ

5. Hoạt động kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Kinh doanh than miền Bắc – Vinacomin tập trung chủ yếu ở mảng kinh doanh và phân phối Than cho hầu khắp thị trường miền Bắc. Các sản phẩm chính của TMB như: Than cục các loại, than cám các loại, than bùn các loại ...

Hàng năm, Công ty giao kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết (sản lượng, doanh thu, chi phí ...) cho các đơn vị. Công ty ủy quyền cho các đơn vị trực thuộc ký hợp đồng bán than cho khách hàng, được tự thỏa thuận và quyết định giá bán than cho từng khách hàng trên cơ sở định hướng giá bán của Tập đoàn Công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam và Công ty. Công ty ban hành quy định tiêu thụ than hàng năm quy định phân chia thị trường, khách hàng cho các đơn vị trực thuộc; quy định trình tự, thủ tục mua than tại đầu nguồn, quá trình vận chuyển và đưa than về cuối nguồn để nhập kho và/hoặc bán cho khách hàng sử dụng; quy định chế độ hạch toán kế toán, kiểm tra, giám sát, kiểm toán ... để đảm bảo kinh doanh đúng pháp luật.

Hàng tháng, các đơn vị trực thuộc căn cứ vào nhu cầu sử dụng than thực tế của các khách hàng đăng ký khối lượng, chủng loại than đưa về các điểm dỡ hàng cuối nguồn thuộc địa bàn do đơn vị quản lý gửi về Công ty để tổng hợp đăng ký với TKV. TKV căn cứ vào nhu cầu sử dụng của khách hàng, năng lực sản xuất của các đơn vị sản xuất than, bố trí và cân đối nguồn than phù hợp, sau đó xây dựng kế hoạch hàng tháng cho Công ty. Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch tiêu thụ của TKV, Phòng KHTT Công ty phân bổ kế hoạch chi tiết cho các đơn vị trực thuộc, đồng thời gửi cho các đơn vị quản lý than đầu nguồn để phối hợp thực hiện. Quy trình quản lý rất chặt chẽ, vừa đảm bảo các đơn vị kinh doanh bám sát nhu cầu sử dụng than của khách hàng để cung cấp kịp thời, đúng và đủ than theo nhu cầu sử dụng thực tế, vừa đảm bảo phù hợp năng lực sản xuất than của các đơn vị sản xuất thuộc TKV.

Sự kiện TKV và EVN ký thoả thuận nguyên tắc về cung cấp than cho Dự án Nhiệt điện Phả Lại và Dự án Nhiệt điện Nghi Sơn 1, đặt ra một cơ hội và thách thức rất lớn cho TMB trong các năm tiếp theo.

5.1. Sản lượng sản phẩm, dịch vụ của Công ty trong năm 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

5.1.1. Sản lượng:

Trong năm 2014 -2015, Công ty đã cung cấp ra thị trường số lượng than như sau:

Năm 2014: 3.572.000 tấn than các loại.

Năm 2015: 3.703.000 tấn than các loại.

5.1.2. Cơ cấu doanh thu

Bảng 5: Cơ cấu Doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị: Triệu Đồng

Chi tiêu	Năm 2014		Năm 2015		9 tháng năm 2016	
	Giá Trị	Tỷ trọng	Giá Trị	Tỷ trọng	Giá Trị	Tỷ trọng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	5.448.966	100%	6.062.073	100%	4.868.963	100%
<i>Doanh thu thuần về bán hàng</i>	5.349.349	98,17%	5.960.845	98,33%	4.824.628	99,09%
<i>Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ</i>	99.617	1,83	101.228	1,67%	44.335	0,91%

(Nguồn: CTCP Kinh doanh Than miền Bắc-Vinacomin)

Ngành nghề kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu là kinh doanh than, do đó có thể thấy rõ doanh thu thuần của Công ty chủ yếu đến từ hoạt động bán hàng (chiếm trên 98% tổng doanh thu thuần). Năm 2015, Doanh thu thuần của Công ty tăng 11,25% so với năm 2014, từ 5.449 tỷ lên 6.062 tỷ, do trong năm 2015, Công ty đã tiếp cận và ký thêm các hợp đồng bán than với các khách hàng mới như Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1, CTCP Vissai Hà Nam, CTCP Nhiệt điện Phả Lại...

5.1.3. Cơ cấu lợi nhuận gộp

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Chi tiêu	2014		2015		9 tháng đầu năm 2016	
	Giá Trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần	Giá Trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần	Giá Trị	Tỷ trọng/ Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	339.399	6,23%	391.154	6,45%	287.072	5,90%
<i>Lợi nhuận gộp về bán hàng</i>	324.574	5,96%	363.552	6,00%	272.316	5,59%
<i>Lợi nhuận gộp về cung cấp dịch vụ</i>	14.825	0,27%	27.602	0,45%	14.756	0,31%

(Nguồn: CTCP Kinh doanh Than miền Bắc-Vinacomin)

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2015 tăng hơn 15% so với năm 2014 do Doanh thu bán hàng trong năm 2015 tăng. Trong đó, Lợi nhuận gộp về bán hàng chiếm chủ

yếu trong cơ cấu lợi nhuận gộp (trên 90%). Tỷ trọng lợi nhuận gộp trên doanh thu thuần đạt mức tăng ổn định từ 6,23% năm 2014 lên 6,45% trong năm 2015.

5.2. Nguyên vật liệu

Do Công ty chủ yếu kinh doanh than, Công ty mua than từ các công ty sản xuất than trong TKV để cung cấp cho các khách hàng sử dụng than, không trực tiếp tham gia vào hoạt động khai thác nên nguyên vật liệu không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

5.3. Chi phí sản xuất

Bảng 7: Cơ cấu chi phí giai đoạn 2014 – 2015 và 9 tháng đầu năm 2016

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015		% tăng/ giảm năm 2015 so với năm 2014	9 tháng đầu năm 2016	
	Giá trị	% DTT	Giá trị	% DTT		Giá trị	% DTT
Giá vốn hàng bán	5.109.566	93,77	5.670.919	93,55	10,99%	4.581.891	94,10
Chi phí tài chính	15.859	0,29	18.937	0,31	19,41%	21.342	0,44
Chi phí bán hàng	291.004	5,34	336.112	5,54	15,50%	240.280	4,93
Chi phí quản lý	17.949	0,33	19.840	0,33	10,53%	13.370	0,27
Tổng cộng	5.434.377	99,73	6.045.808	99,73	10,87%	4.856.883	99,74

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Trong cơ cấu chi phí của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin giai đoạn 2014-2015, Giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng lớn nhất chiếm gần 94% so với Doanh thu thuần. Tỷ trọng tổng chi phí/doanh thu thuần qua các năm ổn định ở mức 99,7%.

5.4. Trình độ công nghệ

Với đặc thù là doanh nghiệp kinh doanh, Công ty luôn chú trọng vào công tác quản lý để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh. Hiện tại Công ty đang sử dụng 03 phần mềm sau để tự động hóa công tác quản lý:

Bảng 8: Danh mục phần mềm của Công ty

STT	Loại máy móc/thiết bị	Nơi sản xuất	Năm sản xuất
-----	-----------------------	--------------	--------------

1	Phần mềm quản lý kế toán ASIA	Công ty CP phát triển phần mềm ASIA*	2006
2	Phần mềm Quản lý Nhân sự	TKV	2005
3	Phần mềm quản trị văn phòng	Công ty TNHH giải pháp phần mềm Việt (VSS)	2016

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

5.5. Tình hình nghiên cứu phát triển sản phẩm mới

Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin là đơn vị có chức năng chế biến và kinh doanh than, trong đó chức năng chế biến thể hiện là việc mua các chủng loại than của các công ty sản xuất than về để chế biến ra các chủng loại than theo nhu cầu sử dụng của khách hàng. Công tác chế biến thể hiện bằng việc sàng lọc, nâng cấp phẩm cấp than; pha trộn các chủng loại than để có được các chủng loại than phù hợp với công nghệ sử dụng của khách hàng. Do vậy, việc nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, chế biến ra các chủng loại than mới thường được thực hiện theo nhu cầu của khách hàng. Khi một khách hàng mới, có nhu cầu đối với một chủng loại than phù hợp với công nghệ sản xuất mới thì Công ty sẽ nghiên cứu, tính toán phương án để chế biến ra chủng loại than tương ứng phục vụ khách hàng.

5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/ dịch vụ

Trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, hoạt động kinh doanh than là hoạt động cốt lõi và đòi hỏi việc kiểm tra chất lượng phải chặt chẽ, chính xác nhất vì đây là hoạt động tạo nên hình ảnh và thương hiệu của Công ty.

Để đảm bảo chất lượng than cung cấp cho khách hàng sử dụng đúng như hợp đồng ký với các khách hàng, đồng thời để tăng cường hình ảnh của Công ty trước bạn hàng, Công ty luôn sử dụng dịch vụ giám định của các công ty hàng đầu trong lĩnh vực giám định tại Việt Nam: i) Công ty cổ phần Giám định Vinacomin (MCK: VQC) và ii) Công ty cổ phần Giám định Vinacontrol (MCK: VNC). Trong đó, đối tác chính của Công ty trong việc giám định than là VQC, bởi đây là doanh nghiệp đầu ngành trong việc giám định than, khoáng sản tại Việt Nam.

5.7. Hoạt động Marketing

Mỗi công ty đều xây dựng cho mình một thương hiệu riêng, là yếu tố để xác định vị thế của công ty trên thị trường và mang một sứ mệnh quan trọng hàng đầu quyết định sự thành công của công ty. Ngoài việc khẳng định và quảng bá thương hiệu bằng chất lượng sản phẩm và uy tín trong việc cung ứng dịch vụ cho khách hàng, Công ty còn chú trọng thúc đẩy các hoạt động Marketing thông qua nhiều phương thức, nhiều kênh thông tin nhằm giới thiệu hình ảnh của Công

ty tới khách hàng với mong muốn tiến tới được phục vụ cho khách hàng các sản phẩm tốt nhất của Công ty.

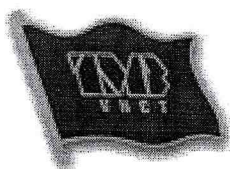
Các phương thức Marketing chính của Công ty gồm:

- Công bố thông tin trên Website Công ty: www.thanmienbac.vn;
- Tham gia các hội nghị, hội thảo của Tập đoàn để tăng cường mối quan hệ với các doanh nghiệp trong Tập đoàn;
- Tham gia các hội nghị, giao lưu do Cơ quan có thẩm quyền địa phương (tỉnh, huyện) tổ chức.
- Tổ chức Hội nghị khách hàng định kỳ hàng quý.

5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Công ty đã có logo riêng và đang làm thủ tục đăng ký bản quyền logo theo quy định hiện hành của pháp luật.

Logo của Công ty như sau:



5.9. Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 9: Danh sách các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	Hợp đồng	Chủ đầu tư/ khách hàng	Công việc	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (triệu đồng)
1	Mua bán than	TKV (Đơn vị được ủy quyền: Công ty Kho vận và Cảng Cẩm Phả-TKV)	Cung cấp than	Hợp đồng nguyên tắc, gia hạn hàng năm	832.446
2	Mua bán than	Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn 1	Cung cấp than		393.791
3	Mua bán than	Công ty cổ phần Nhiệt điện Phả Lại	Cung cấp than		1.019.392

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

6. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty trong 02 năm gần nhất và quý gần nhất

Bảng 10: Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty giai đoạn 2014– 2015 và 9 tháng 2016

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2014	2015	% Tăng giảm	9 tháng năm 2016
Tổng giá trị tài sản	1.060.797	1.870.395	76,32%	1.319.182
Vốn chủ sở hữu	158.894	161.106	1,39%	166.530
Doanh thu thuần	5.448.966	6.062.073	11,25%	4.868.963
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	15.013	17.126	14,07%	12.833
Lợi nhuận khác	847	(593)	-170,07%	(5.809)
Lợi nhuận trước thuế	15.860	16.533	4,24%	7.025
Lợi nhuận sau thuế	10.545	12.372	17,33%	5.425
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	47,41%	40,41%	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu	6,64%	7,73%	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Năm 2015, Công ty đạt 6.062 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 11,25% so với năm 2014 do doanh thu bán hàng tăng, lợi nhuận sau thuế đạt 12,3 tỷ đồng, tăng trưởng 17,33% so với năm 2014.

6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

• Khó khăn:

- Khủng hoảng, suy thoái kinh tế toàn cầu và những bất ổn chính trị, thiên tai...của thế giới và khu vực đã ảnh hưởng tới hoạt động SXKD của Tập đoàn và Công ty.
- Nhu cầu sử dụng than giảm sút, do suy giảm kinh tế nên nhiều hộ sử dụng than phải thu hẹp sản xuất như các hộ sản xuất gạch, ngói, xi măng ... Chính sách về an ninh năng lượng của Việt Nam chưa rõ ràng, mặt khác do giá than Việt Nam cao hơn mặt bằng giá thế giới cùng thời

điểm, các khách hàng sử dụng than lớn trong nước (nhất là các nhà máy điện, xi măng) đã thay đổi công nghệ sử dụng than Anthracite của Việt Nam bằng than Bitum và Á Bitum có giá cạnh tranh và cung cấp ổn định từ nguồn cung cấp than của Indonesia, Nga, Úc ...

- Các hộ sử dụng than khu vực phía Nam thường sử dụng than nhập khẩu từ Indonesia, Úc vì quãng đường vận chuyển ngắn, chi phí vận tải thấp hơn.

• **Thuận lợi:**

- Công ty có truyền thống, bề dày kinh nghiệm trong công tác kinh doanh than, có hệ thống cửa hàng, trạm bán than rộng khắp các tỉnh phía Bắc.

- Được sự tin tưởng của các khách hàng truyền thống.

- Là công ty con của Tập đoàn Công nghiệp than - khoáng sản Việt Nam, Công ty có một vị trí quan trọng trong quá trình từ sản xuất than đến người sử dụng than, là cầu nối giữa người sản xuất và người sử dụng than. Trong công tác thị trường, tiêu thụ Tập đoàn luôn lấy Công ty là trọng tâm để thực hiện các chính sách, điều hành.

- Công ty có hệ thống cơ sở vật chất phục vụ việc chế biến, tiêu thụ than đầy đủ, đồng bộ. Hệ thống kho, cảng được đầu tư đầy đủ, đảm bảo cung cấp than đến tận nơi người sử dụng.

- Công ty có đội ngũ CBCNV trẻ, năng động, có kinh nghiệm, đầy nhiệt huyết, được đào tạo căn bản, đáp ứng được yêu cầu của công tác kinh doanh, có tinh thần đoàn kết và đồng tâm xây dựng Công ty ngày càng phát triển vững mạnh đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ Chính trị - Kinh tế trước mắt và lâu dài của ngành Than.

7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

7.1. Vị thế của công ty trong ngành

- Công ty có truyền thống lâu năm hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh than, từ những năm 70 của thế kỷ trước, có hệ thống cơ sở vật chất rộng khắp miền Bắc, đảm bảo cung cấp than đến tận nơi người sử dụng ở từng huyện, xã trên phạm vi các tỉnh miền Bắc. Công ty đã tạo dựng cho mình được thương hiệu và sự tin nhiệm của đối tác, bạn hàng trong nước. Trong những năm qua Công ty hoạt động ổn định, tập thể đoàn kết nhất trí cao theo tôn chỉ của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam: Kỷ luật - Đồng tâm.

- Đội ngũ lãnh đạo và cán bộ công nhân viên Công ty hầu hết được đào tạo chính quy, bài bản, đa số có trình độ Đại học. Chuyên môn nghiệp vụ vững vàng và dày dặn kinh nghiệm trong các lĩnh vực hoạt động, sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Là bạn hàng chủ chốt, thân thiết và đáng tin cậy với đa số các Công ty sản xuất than trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty luôn thực hiện tốt vai trò là cầu nối giữa đơn vị sản xuất than đến người sử dụng than trong nước.

7.2. Triển vọng phát triển của ngành

- Ngành than chiếm một vai trò rất quan trọng đối với nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp tới một số ngành công nghiệp với vai trò là nguyên liệu sản xuất đầu vào. Khách hàng lớn nhất của ngành than là ngành điện, tiếp theo đó là các ngành công nghiệp sử dụng than làm nhiên liệu và nguyên liệu đầu vào như sản xuất xi măng, sắt thép, sản xuất phân đạm... Với vai trò này, ngành than sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đầu ra cũng như giá thành sản phẩm của những ngành công nghiệp liên quan.

- Theo Quy hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 60/QĐ-TTg ngày 9/01/2012 thì việc khai thác than trước hết phải đáp ứng tối đa nhu cầu tiêu thụ than trong nước về chủng loại và khối lượng, chỉ xuất khẩu các chủng loại than trong nước chưa hoặc không có nhu cầu sử dụng. Theo báo cáo của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, sản lượng hàng năm của ngành than sau hơn 20 năm thành lập đã tăng gấp bảy lần, năng suất cũng tăng gấp bốn lần, đáp ứng đủ nhu cầu than trong nước và dành một phần hợp lý để xuất khẩu.

Mục tiêu sản lượng than thương phẩm sản xuất toàn ngành trong những năm tiếp theo là:

- + Năm 2020 đạt 60 – 65 triệu tấn
- + Năm 2030 đạt trên 75 triệu tấn

Trong khi đó, dự báo nhu cầu than cho ngành điện đến năm 2030 là 181,3 – 231,1 triệu tấn còn nhu cầu sử dụng than của các ngành kinh tế khác như sản xuất xi măng, sắt thép, phân đạm... là 103-118 triệu tấn/năm.

Riêng khách hàng lớn nhất của ngành than là ngành điện thì nhu cầu nhập khẩu than cho các nhà máy điện là 48 triệu tấn vào năm 2020 và tăng lên 130 triệu tấn vào năm 2030.

Nhìn vào bức tranh trên, rõ ràng cung không đủ cầu về than cho sản xuất trong nước. Chính điều này dẫn đến nguy cơ biến Việt Nam từ một nước xuất siêu than thành nước nhập siêu.

Để thực hiện những mục tiêu trên, Quy hoạch phát triển của Chính phủ đã đưa ra chiến lược cụ thể. Đầu tiên là kế hoạch thăm dò và khai thác than tại các bể than Đông Bắc vùng Quảng Ninh, Bắc Giang, Hải Dương và các mỏ than có điều kiện khai thác thuận lợi hơn, chất lượng than tốt và trữ lượng tài nguyên có thể đến 8 - 9 tỷ tấn ở độ sâu 1.000 - 1.200m. Đồng thời, triển khai nghiên cứu thử nghiệm khai thác than vùng đồng bằng sông Hồng nhằm đảm bảo tăng dần sản lượng khai thác than lên 60 – 65 triệu tấn năm 2020.

Để thực hiện kế hoạch này, TKV đã đề xuất Chính phủ cơ chế huy động vốn cho đầu tư phát triển các mỏ than, theo đó, đề nghị cho TKV được vay vốn từ nguồn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước, một phần vốn ODA, vốn trái phiếu để đầu tư phát triển, đồng thời bảo lãnh

cho TKV vay vốn nước ngoài để đầu tư phát triển, tăng năng lực sản xuất. Bên cạnh đó, TKV cũng kiến nghị Chính phủ xem xét đẩy nhanh thủ tục đầu tư, cấp phép phê duyệt thăm dò khai thác cũng như có các giải pháp đồng bộ về cơ chế chính sách, điều chỉnh thuế phí các loại phù hợp, nhằm đẩy nhanh triển khai các dự án tăng sản lượng than theo Quy hoạch đã được duyệt.

Ngoài ra, ngành than cũng cân đối giữa lượng than xuất khẩu và nhập khẩu nhằm mang lại giá trị kinh tế lớn nhất có thể. Nếu như trước đây, việc xuất khẩu than đem lại lợi ích hơn nhập khẩu vì giá than thế giới cao thì hiện nay, giá than giảm rất mạnh, ngành chủ trương hạn chế xuất khẩu và tăng cường nhập khẩu do nguồn cung dồi dào, giá rẻ. Hiện tại, TKV vẫn đáp ứng đủ nhu cầu than trong nước, chỉ nhập khẩu vài trăm nghìn tấn than sử dụng trong lò hơi nhà máy công nghiệp. Theo dự báo, từ năm 2016 trở đi, khi các dự án điện đi vào hoạt động, sẽ nhập khẩu khoảng 3 – 5 triệu tấn than và tăng dần qua các năm.

Ngành than cũng kiến nghị Nhà nước xem xét, điều chỉnh các loại thuế, phí phù hợp và có các giải pháp đồng bộ về cơ chế, chính sách, huy động vốn, các thủ tục trong đầu tư xây dựng cơ bản để giải quyết các dự án cấp bách tăng sản lượng than theo Quy hoạch đã được duyệt. Đồng thời, tạo điều kiện hỗ trợ để ngành than có nguồn đầu tư phát triển để cải thiện điều kiện làm việc, thu nhập cho nhân công. Nếu không, ngành than sẽ gặp nguy cơ thiếu vốn phát triển sản xuất cũng như thiếu hụt nhân công có tay nghề cao. Ngành cũng chủ động triển khai Đề án nâng cao năng lực sản xuất và hiệu quả kinh doanh, trọng tâm là thúc đẩy khoa học công nghệ, áp dụng cơ giới hóa trong khai thác than, nhất là trong hầm lò và thực hiện các giải pháp nâng cao năng suất, giảm giá thành, tập trung thực hiện trong năm nay và những năm tiếp theo, nhằm đáp ứng nhu cầu than ngày càng tăng của nền kinh tế.

7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc-Vinacomin hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh, chế biến các loại than. Đây là một thị trường có nhiều tiềm năng khi trữ lượng các mỏ than ở Việt Nam còn lớn. Hiện nay, có nhiều doanh nghiệp thuộc ngành than đang niêm yết trên thị trường chứng khoán, vì vậy chúng tôi sử dụng số liệu tài chính của các công ty trong ngành đang niêm yết để so sánh với Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc-Vinacomin. Đó là các công ty: CTCP Than Mông Dương – Vinacomin, CTCP Than Núi Béo – Vinacomin, CTCP Than Hà Tu – Vinacomin, CTCP Than Cọc Sáu – Vinacomin, CTCP Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin.

Các chỉ tiêu về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trên được so sánh với Công ty cổ phần Kinh doanh Than Miền Bắc - Vinacomin theo bảng dưới đây:

Bảng 11: Tình hình tài chính của các Doanh nghiệp cùng ngành năm 2015

(Đơn vị: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	CTCP Than Mông Đương – Vinacomin (MDC)	CTCP Than Núi Béo – Vinacomin (NBC)	CTCP Than Hà Tu – Vinacomin (THT)	CTCP Than Cọc Sáu – Vinacomin (TC6)	CTCP Xuất nhập khẩu Than – Vinacomin (CLM)	CTCP Kinh doanh than miền Bắc – Vinacomin
Vốn điều lệ	150.840	369.991	136.497	129.987	110.000	50.000
Doanh thu thuần	1.366.316	202.840	2.131.534	3.855.055	1.406.198	6.062.073
Lợi nhuận sau thuế	86	51.298	25.608	41.286	12.151	12.372
EPS (2015) (Đồng)	6	836	983	1.373	785	1.442

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của các Công ty)

7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới

Tập đoàn công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam mang một sứ mệnh do Nhà nước giao phó là xây dựng thành một tập đoàn kinh tế vững mạnh, là trụ cột của nền kinh tế đất nước. Là một trong những đơn vị chủ chốt của TKV, Công ty đã và đang phối hợp với các đơn vị khai thác than của TKV đẩy mạnh đổi mới công nghệ, nghiên cứu đẩy nhanh quá trình cơ giới hóa khai thác than; song song với việc bảo vệ môi trường; hoàn thiện và đổi mới cơ chế quản lý, quản trị tiên tiến, phù hợp, tăng cường huy động các nguồn lực xã hội... nhằm nâng cao năng lực sản xuất, hiệu quả kinh doanh, đảm bảo đúng tiến độ các dự án đầu tư, đặc biệt là các dự án xây dựng các mỏ than hầm lò mới, đáp ứng đủ than cho nhu cầu tiêu thụ trong nước; bảo đảm phát triển bền vững xứng đáng với vai trò tập đoàn kinh tế mạnh, là trụ cột của nền kinh tế đất nước.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, với mục tiêu phát triển bền vững, hài hòa trong Tập đoàn các công ty Than - Khoáng sản Việt Nam, Công ty tiếp tục phát triển các lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính trên cơ sở định hướng chung của TKV:

- Hoạt động kinh doanh than theo sự phân công và chỉ đạo của TKV. Chế biến và tiêu thụ than của các công ty sản xuất than trong TKV, đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng của khách hàng trong nước. Có phương án để nhập khẩu than, chế biến ra các chủng loại than phù hợp cho những dự án nhiệt điện của EVN, TKV và khách hàng trong nước khác có nhu cầu sử dụng than nhập khẩu.

- Kinh doanh vận tải, kho bãi, bến cảng: Mở rộng đầu tư, kinh doanh các dự án vận tải than, kho bãi và bến cảng chứa than và các mặt hàng khác.

- Xây dựng lợi thế cạnh tranh khác biệt từ nguồn nhân lực chất lượng cao.

Định hướng phát triển của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

8. Chính sách đối với người lao động

8.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại thời điểm tháng 11/2016 là 863 người.

Bảng 12: Cơ cấu lao động Công ty tại thời điểm tháng 11/2016

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I. Phân theo giới tính	863	100,00
Nam	668	77
Nữ	195	23
II. Phân loại theo trình độ	863	100,00
Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	523	61
Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	136	16
Cán bộ có trình độ sơ cấp, công nhân kỹ thuật	124	14
Cán bộ có trình độ phổ thông và lao động khác	80	9
III. Phân loại theo tính chất hợp đồng lao động	863	100,00
Cán bộ quản lý	86	10
Chuyên viên	61	7
Cộng tác viên	0	0
Lao động trực tiếp	716	83

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

8.2. Chính sách với người lao động

Một trong những lợi thế cạnh tranh của Công ty so với các công ty khác trong cùng ngành đó là nguồn nhân lực.

Ban lãnh đạo: Ban lãnh đạo của Công ty không những có trình độ chuyên môn cao mà còn có năng lực quản lý, giàu kinh nghiệm và tâm huyết với Công ty.

Người lao động: Người lao động của Công ty năng động, sáng tạo, được đào tạo thường xuyên, đoàn kết và gắn bó với Công ty. Với chính sách tuyển dụng lao động của mình, Công ty đã

tập hợp được một tập thể lao động có chất lượng cao, kỷ luật, đoàn kết, trách nhiệm, sáng tạo, được đào tạo chính quy và bồi dưỡng thường xuyên.

❖ Chính sách tuyển dụng

Tuyển dụng lao động được tổ chức thực hiện theo mục tiêu, yêu cầu chiến lược phát triển kinh doanh của Công ty, trong từng giai đoạn cụ thể và thực hiện theo kế hoạch hàng năm.

Tuyển dụng theo nguyên tắc: Thông báo công khai - bảo đảm tính công bằng - cơ hội bình đẳng cho mọi ứng cử viên và thực hiện đúng theo quy trình tuyển dụng của Công ty.

❖ Chính sách đào tạo

Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực. Hằng năm, Công ty đều xây dựng kế hoạch đào tạo cho CBCNV và triển khai một cách nghiêm túc. Hoạt động đào tạo của Công ty gồm:

- Đào tạo nhân viên mới với mục đích để nhân viên mới nhanh chóng hòa nhập với công việc và môi trường làm việc của Công ty.
- Đào tạo, huấn luyện cán bộ quản lý: Giám đốc điều hành, giám đốc các chi nhánh, trạm trưởng, cửa hàng trưởng.
- Đào tạo, huấn luyện về chuyên môn, nghiệp vụ giao tiếp với khách hàng, bán hàng, quản lý kho, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm ...
- Huấn luyện về an toàn, phòng cháy chữa cháy, phòng chống bão lụt ...

❖ Chính sách lương thưởng và phúc lợi

- Chính sách lương: Công ty xây dựng chính sách lương phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc chuyên môn của từng người. CBCNV trong Công ty ngoài việc được hưởng lương tháng theo bậc lương cơ bản còn được hưởng lương công việc theo năng suất và hiệu quả.

- Chính sách thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng năng suất lao động và hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho cá nhân, tập thể có những đóng góp thiết thực vào kết quả hoạt động chung.

- Chính sách xét tăng lương: Theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở Công ty còn được hưởng các khoản phụ cấp, trợ cấp khác theo lương tùy thuộc vị trí công tác, năng lực làm việc của mỗi người và kết quả hoạt động của Công ty. Các chế độ bảo hiểm như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động được Công ty thực hiện tốt.

- Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ rất được quan tâm, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, điều dưỡng tại chỗ, và điều dưỡng tập trung, cấp phát thuốc

cho người lao động; trợ cấp khó khăn thường xuyên, đột xuất cho cán bộ công nhân viên đã và đang làm việc tại Công ty, trợ cấp nghỉ hưu đối với trường hợp hưu trí.

- Ngoài ra, những hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, tham quan, nghỉ mát, v.v. thường xuyên được tổ chức tại Công ty giúp cho toàn thể CBCNV gắn bó với nhau hơn, góp phần tạo nên bản sắc Công ty; đồng thời nâng cao kiến thức về văn hóa, kinh tế, chính trị - xã hội v.v. nhằm xây dựng một tập thể lao động không những giỏi chuyên môn mà còn luôn quan tâm đến xã hội, cộng đồng.

9. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Kết thúc niên độ tài chính, HĐQT có trách nhiệm xây dựng Phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở:

- Lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác; trích lập các quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của Công ty.

- Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

- Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tình hình chi trả cổ tức 03 (ba) năm gần nhất của Công ty như sau:

Bảng 13: Tình hình chi trả cổ tức ba năm gần nhất

Năm	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	Phương thức chia cổ tức
2013	15 %	Tiền mặt
2014	10 %	Tiền mặt
2015	10 %	Tiền mặt

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Ngày 20/05/2016, thực hiện Quyết định số 483/TMB-HĐQT của Hội đồng quản trị, Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2015 là 10% bằng tiền mặt, với tổng số tiền thanh toán là 5.000.000.000 đồng.

Dự kiến tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2016 là 5%.

10. Tình hình hoạt động tài chính

10.1. Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định của Công ty được thực hiện ghi nhận theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ tài chính, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Danh mục	Thời gian khấu hao (Số năm)
Nhà, xưởng và vật kiến trúc	06 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 08 năm
Thiết bị văn phòng	03 – 04 năm
Phương tiện, vận tải	03 – 06 năm

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

10.2. Mức lương bình quân

So với thu nhập bình quân của các doanh nghiệp khác cùng ngành thì thu nhập bình quân của cán bộ công nhân viên của Công ty thuộc mức trung bình khá trong hệ thống các Công ty thuộc TKV.

Thu nhập bình quân của Công ty giai đoạn 2013 - 2015:

+ Năm 2013: 8.000.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2014: 8.065.000 đồng/người/tháng

+ Năm 2015: 8.049.000 đồng/người/tháng.

10.3. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Các khoản vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đều được Công ty thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong thời gian qua.

10.4. Các khoản phải nộp theo luật định

Thực hiện theo chủ trương của HĐQT, Công ty luôn tuân thủ và thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ tài chính với Nhà nước, Công ty không có khoản thuế và các khoản phải nộp Nhà nước nào quá hạn.

Bảng 14: Chi tiết các khoản Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/9/2016
1	Thuế GTGT phải nộp	460	542	370
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.717	965	(110)
3	Thuế thu nhập cá nhân	366	355	114
4	Thuế tài nguyên	-	-	-
5	Thuế đất và thuế sử dụng đất	-	-	253
6	Thuế khác	-	-	-
7	Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3,5	-	-
	Tổng cộng	3.546	1.862	628

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

10.5. Trích lập các quỹ theo quy định

Công ty thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty và luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị. Số dư các quỹ như sau:

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/9/2016
1	Quỹ khen thưởng và phúc lợi	28.896	19.806	9.305
2	Quỹ đầu tư phát triển	50.980	34.740	26.869
	Tổng cộng	79.876	54.546	36.174

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

10.6. Tổng dư nợ vay

Tính đến thời điểm 30/09/2016, Tổng nợ vay của Công ty 400 tỷ đồng, trong đó toàn bộ là nợ vay ngắn hạn. Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào.

Bảng 15: Chi tiết số dư các khoản vay

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	Vay và nợ ngắn hạn	420.000	450.000	400.000
1	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	200.000	200.000	200.000
2	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Trung tâm giao dịch hội sở	20.000	20.000	-
3	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình	200.000	200.000	200.000
4	Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	-	30.000	-

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng theo hợp đồng tín dụng số 01/2015-HĐTDHM/NHCT142-KDTMB ngày 15/05/2015.
- (ii) Vay Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Trung tâm giao dịch hội sở theo hợp đồng vay ngày 23/09/2015.
- (iii) Vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Ba Đình theo hợp đồng vay số 34334.15.086.775.775.TD ngày 24/09/2015.
- (iv) Vay Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch theo Khế ước ngày 23/12/2015.

10.7. Tình hình hàng tồn kho

Bảng 16: Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Hàng đang đi trên đường	36.602	99.407	50.031
2	Nguyên liệu, vật liệu	90	93	101
3	Công cụ, dụng cụ	10	798	-
4	Hàng hóa	651.916	917.037	623.412
5	Hàng gửi bán	-	14.501	49.352
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho		688.618	1.031.836	722.896

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần
Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Trong năm 2015, lượng hàng tồn kho của Công ty tăng gần 50% so với năm 2014. Toàn bộ hàng tồn kho của Công ty là than, mặt hàng này không bị giảm giá, nhập xuất liên tục qua kho nên Công ty không phải trích lập dự phòng giảm giá.

10.8. Tình hình công nợ

❖ Các khoản phải thu

Bảng 17: Chi tiết các khoản phải thu

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I	Các khoản phải thu ngắn hạn	228.100	647.320	410.133
1	Phải thu khách hàng ngắn hạn	217.705	645.971	409.356
2	Trả trước cho người bán	8.657	854	2.032
3	Các khoản phải thu ngắn hạn khác (i)	4.757	2.174	2.390
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (ii)	(3.020)	(3.645)	(3.645)
5	Tài sản thiếu chờ xử lý (iii)	-	1.966	-
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	-
	Tổng cộng	228.100	647.320	410.133

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014, 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

(ii) Chi tiết các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi: Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng theo đúng quy định. Một số khoản phải thu công ty đã thực hiện trích lập dự phòng, nhưng theo tính toán của Công ty có thể thu hồi được vì vậy, Công ty vẫn ghi nhận tổng các khoản phải thu này (trị giá 1.620.769.667 đồng) là có thể thu hồi.

(iii) Tài sản thiếu chờ xử lý của Công ty tính đến 31/12/2015 là lượng hàng tồn kho do đắm tàu tại Công ty kinh doanh than Thanh Hoá với tổng giá trị khoảng 1,9 tỷ đồng. Tính đến thời điểm 30/09/2016, Công ty đã được Công ty bảo hiểm Bảo Long bồi thường toàn bộ thiệt hại theo thông báo bồi thường số 767/2016/TB-BL ngày 19/4/2016

Bảng 18: Chi tiết các khoản phải trả

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chi tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
1	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	420.000	450.000	400.000
2	Phải trả người bán ngắn hạn	423.617	1.215.168	698.737

3	Người mua trả tiền trước	2.058	3.648	12.147
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.546	1.862	916
5	Phải trả người lao động	13.063	10.789	16.930
6	Chi phí phải trả ngắn hạn	483	481	3.218
7	Phải trả nội bộ ngắn hạn	4.021	-	-
8	Phải trả ngắn hạn khác	6.220	7.535	11.399
9	Quỹ Khen thưởng phúc lợi	28.896	19.806	9.305
	Tổng cộng	901.904	1.709.289	1.152.652

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 và BCTC 9 tháng năm 2016 của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomín)

- Các khoản phải trả ngắn hạn khác tại 31/12/2015 bao gồm cổ tức phải trả (5.011 triệu đồng), lãi chậm trả Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (1.226 triệu đồng) và một số khoản khác. Theo điều khoản thanh toán với Tập đoàn TKV về mua than, Tập đoàn TKV có định mức dư nợ tiền than hàng năm cho Công ty, khi Công ty nhập hàng số lượng lớn bị vượt định mức dư nợ thì Công ty phải trả tiền lãi chậm trả cho Tập đoàn TKV trên số tiền vượt định mức đó.

10.9. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn	lần	1.09	1.04
Hệ số thanh toán nhanh: (TSNH- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	lần	0.33	0.43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn:			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	lần	0.85	0.91
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	lần	5.68	10.61
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	7,42	6.59
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	5,14	4.14
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số LNST/Doanh thu thuần	%	0.19	0.20

Hệ số LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)	%	6.64	7.73
Hệ số LNST/Tổng tài sản (ROA)	%	0,99	0.84
Hệ số LN từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0.28	0.28

(Nguồn: Tính toán dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

11. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Trưởng phòng Tài chính kế toán

11.1. Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Văn Hà	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Đoàn Hữu Thung	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc
3	Ông Phan Tiên Hải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc
5	Ông Vũ Hữu Long	Thành viên HĐQT

❖ Vũ Văn Hà – Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Văn Hà Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/02/1958

Số CMTND: 010397606 cấp ngày 03/04/2008 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Nam Trực, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 7 ngách 80/164 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913210407

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa

Quá trình công tác:

Thời gian

Quá trình công tác

9 -
 HẠN
 JANH
 MIỀN
 VIP
 HAN

11/1982-11/1984	Cán bộ kỹ thuật - Chi nhánh Hóa chất mỏ Quảng Ninh
1984 - 1995	Trưởng phòng Kế hoạch; Trưởng phòng Kỹ thuật - Chi nhánh Hóa chất mỏ Quảng Ninh
08/1995-02/1999	Phó giám đốc Xí nghiệp - Xí nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh
03/1999 - 09/2002	Giám đốc Xí nghiệp - Xí nghiệp Hóa chất mỏ Quảng Ninh
10/2002 - 05/2012	Tổng Giám đốc - Tổng công ty Hóa chất mỏ
5/2012 đến 7/2015	Trưởng ban Quản lý vốn TKV - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam
7/2015 đến nay	Trưởng ban Quản lý vốn TKV, Chủ tịch HĐQT Công ty CPKD than Miền Bắc-Vinacomin - Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam

THỦ
 ĐÓNG
 CHỮ
 ĐỎ

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Trưởng Ban quản lý vốn Tập đoàn công nghiệp than – khoáng sản Việt Nam.

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 6.744.000 cổ phần

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: Không có
- Cổ phần đại diện sở hữu: 6.744.000 cổ phần (chiếm tỷ lệ 67,44% vốn điều lệ)

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ Đoàn Hữu Thung – Thành viên HĐQT

Ông Đoàn Hữu Thung Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 08/05/1958
 Số CMTND: 100558655 cấp ngày 08/5/2015 tại Quảng Ninh
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Quê quán: xã Gia Phong, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình
 Địa chỉ thường trú: Tổ 28, K3, phường Hồng Gai, tp Hạ Long, Quảng Ninh.
 Số ĐT liên lạc: 0913264557
 Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 10/10
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
1978- 1980	Công nhân - Trạm than Mạo Khê - Công ty thu mua trung chuyển than Quảng Ninh
1980- 1982	Công nhân - Trạm than Cửa Ông - Công ty cung ứng than Quảng Ninh
1982- 2/1983	Phó trưởng trạm - Trạm than Hòn Gai - Công ty cung ứng than Quảng Ninh
3/1983- 3/1986	Bộ đội, Trung sỹ, nhân viên - Ban Thương nghiệp phòng hậu cần Sư đoàn 242 Quảng Ninh
4/1986- 7/1992	Phó trạm trưởng - Trạm than Hòn Gai - Công ty cung ứng than Quảng Ninh
8/1992- 12/1995	Trạm trưởng - Trạm than Hòn Gai Công ty cung ứng than Quảng Ninh
1/1996- 12/1999	Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty Chế biến và kinh doanh than Quảng Ninh
1/2000- 7/2000	Phó giám đốc - Công ty Chế biến và kinh doanh than Quảng Ninh
8/2000- 11/2007	Giám đốc - Công ty Kinh doanh than Quảng Ninh
12/2007- 3/2012	Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh than

	Miền Bắc- Vinacomin
3/2012 -7/2015	Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc - Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin
7/2015 đến nay	Tổng giám đốc, Ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:

Trong đó: 6.452 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,065% vốn điều lệ

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 6.452 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,065% vốn điều lệ

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Phan Tiến Hải – Thành viên HĐQT**

Ông Phan Tiến Hải Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/07/1959

Số CMTND: 011009341 cấp ngày 09/5/2011 tại CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Sơn Tây, Hà Nội.

Địa chỉ thường trú: Số 32, ngõ 1, Phan Đình Giót, Thanh Xuân, Hà Nội



Số ĐT liên lạc: 0913216024

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế tài chính.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
12/1980- 4/1983	Bộ đội - D1 E826 quân khu Thủ đô và bộ chỉ huy quân sự Tỉnh An Giang
8/1983- 11/1993	Chuyên viên - Phòng Tài chính kế toán - Tổng Công ty cung ứng Than
12/1993- 3/1995	Chuyên viên - Phòng Tài chính kế toán - Công ty Kinh doanh và chế biến than Việt Nam
4/1995- 4/1996	Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
5/1996-10/1996	Trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
10/1996-6/2000	Kế toán trưởng - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
7/2000-12/2006	Phó giám đốc - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
01/2007- nay	Phó Tổng giám đốc, ủy viên HĐQT - Công ty Cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc- Vinacomin

Chức vụ hiện nay:

Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc -
Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc
- Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:

5.972 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% Vốn điều lệ.

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân:

5.972 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,06% Vốn điều lệ.

- Cổ phần đại diện sở hữu:

0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:

Không có

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Nguyễn Minh Hải – Thành viên HĐQT**

Ông Nguyễn Minh Hải Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 13/01/1972

Số CMTND: 013055437 cấp ngày 19/3/2008 tại CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Phòng

Địa chỉ thường trú: Phòng 304, Nơ 6A, Bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913283361

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
9/1993- 9/1995	Làm việc tự do
9/1995- 5/1999	Nhân viên kế toán - Mỏ than Bảo Đài - Công ty than Uông Bí
5/1999-5/2000	Nhân viên kế toán- Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
5/2000-6/2002	Phó trưởng phòng-Phòng tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
7/2002-12/2006	Kế toán trưởng - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
01/2007-4/2016	Kế toán trưởng, ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
4/2016- nay	Phó tổng giám đốc, ủy viên HĐQT - Công ty cổ phần kinh doanh

	than Miền Bắc-Vinacomin
--	-------------------------

Chức vụ hiện nay:	Ủy viên HĐQT kiêm Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin
Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác:	Không có
Số cổ phần bản thân đang nắm giữ:	8.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,083 % Vốn điều lệ.
Trong đó:	
- Cổ phần sở hữu cá nhân:	8.248 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,083 % Vốn điều lệ.
- Cổ phần đại diện sở hữu:	0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ
Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu:	Không có
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không có
Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty:	Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị.
Lợi ích liên quan đối với Công ty:	Không có

❖ Vũ Hữu Long – Thành viên HĐQT

Ông Vũ Hữu Long	Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin
Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	01/01/1976
Số CMTND:	013581752 cấp ngày 15/09/2012 tại Hà Nội.
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Quê quán:	Quảng Ninh
Địa chỉ thường trú:	Đại Từ, Đại Kim, Hoàng Mai, Hà Nội
Số ĐT liên lạc:	0912.560398
Trình độ văn hoá:	Giáo dục phổ thông 12/12
Trình độ chuyên môn:	Cử nhân Tài chính kế toán

39
 HÀ
 MI
 HÀ

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
7/1995 – 10/2003	Chuyên viên Phòng Tổ chức hành chính – Xí nghiệp Dịch vụ và kinh doanh than – Công ty than Hạ Long
11/2003 – 6/2008	Chuyên viên Phòng Kế hoạch vật tư – Xí nghiệp Dịch vụ và kinh doanh than – Công ty than Hạ Long
7/2008 – 10/2008	Chuyên viên Phòng Tài chính kế toán – Công ty kho vận Hòn Gia – Vinacomin
11/2008 – 2/2010	Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch kinh doanh – Công ty kinh doanh than Thanh Hóa – Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin
3/2010 – 12/2010	Phó trưởng phòng – Phòng Kế hoạch thị trường – Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
01/2011 – 03/2012	Trưởng phòng – Phòng Kế hoạch thị trường – Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc - Vinacomin
04/2012 – nay	Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng Phòng Kế hoạch thị trường Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc – Vinacomin

HUY HẠC B. C. T. / 11

Chức vụ hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,10 % Vốn điều lệ.

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 10.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,10 % Vốn điều lệ.
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ.

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Hội đồng quản trị.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

11.2. Ban Tổng Giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Đoàn Hữu Thung	Tổng Giám đốc
2	Ông Phan Tiến Hải	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc

- ❖ Đoàn Hữu Thung – Tổng giám đốc: SYLL như trên
- ❖ Phan Tiến Hải - Phó Tổng giám đốc: SYLL như trên
- ❖ Nguyễn Minh Hải – Phó Tổng giám đốc: SYLL như trên

11.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Đặng Thị Hải Hà	Trưởng BKS
2	Vũ Minh Chiến	Thành viên BKS
3	Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên BKS

❖ Trưởng Ban kiểm soát: Bà Đặng Thị Hải Hà

Bà Đặng Thị Hải Hà Trưởng Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 24/01/1971

Số CMTND: 011713591 cấp ngày 16/8/2007 tại CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phòng 228, A4, TT Khương Thượng, Đống Đa, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0913060146

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tổng hợp

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
12/1998-10/1990	Lao động hợp tác tại Cộng hòa LB Đức
11/1990-6/1992	Nhân viên - Công ty cung ứng than Hà Nội
7/1992-9/1993	Nhân viên kế toán - Xưởng than Giáp Nhị - Công ty cung ứng than Hà Nội
10/1993-12/1993	Nhân viên kế toán - Công ty cung ứng than Hà Nội
1/1994-3/1998	Nhân viên kế toán - Công ty Kinh doanh và chế biến than Hà Nội
4/1998-6/2000	Chuyên viên - Phòng Tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
7/2001-01/2001	Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
2/2001-3/2002	Trưởng phòng - Phòng kiểm toán thống kê – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
4/2002-8/2002	Kế toán trưởng - Công ty Chế biến và Kinh doanh than Hà Nội
9/2002-12/2006	Trưởng phòng- Phòng Kiểm toán – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
01/2007-4/2016	Trưởng phòng, ủy viên Ban kiểm soát - Phòng Kiểm toán và Thanh tra – Công ty cổ phần Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
4/2016 - nay	Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát - Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 7.944 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,079 % Vốn điều

Trong đó: lệ.

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 7.944 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,079 % Vốn điều lệ.

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát: Ông Vũ Minh Chiến**

Ông Vũ Minh Chiến Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc – Vinacomin

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 26/8/1980

Số CMTND: 013354646 cấp ngày 01/8/2010 tại Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Tự Lập, Mê Linh, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Phòng 2812 chung cư HH4A, Linh Đàm, Hoàng Liệt, Hoàng Mai, Hà Nội.

Số ĐT liên lạc: 0989.868466

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh.

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
08/2003-12/2006	Chuyên viên - Phòng Kiểm toán thanh tra – Công ty Chế biến và Kinh doanh than Miền Bắc
01/2007-03/2010	Chuyên viên - Phòng Kiểm toán thanh tra – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
03/2010-04/2016	Phó trưởng phòng - Phòng Kiểm toán thanh tra – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
04/2016-nay	Thành viên Ban kiểm soát, Phó trưởng phòng Kiểm toán thanh tra – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Chức vụ hiện nay:

Thành viên Ban Kiểm soát Công ty cổ phần
Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin



Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 476 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005 % Vốn điều lệ.

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 476 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,005 % Vốn điều lệ.
- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

❖ **Thành viên Ban kiểm soát: Bà Bùi Thị Phương Thảo**

Bà Bùi Thị Phương Thảo Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 04/07/1988

Số CMTND: 013216121 cấp ngày 12/06/2009 tại CA TP Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Cẩm Sơn, Cẩm Phả, Quảng Ninh.

Địa chỉ thường trú: P502 CT1-2, KĐT Mễ Trì Hạ, Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số ĐT liên lạc: 0914651618

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
08/2010-07/2011	Bí thư Đoàn thanh niên Tổ dân phố 4, Mễ Trì, Từ Liêm, Hà Nội
07/2011-04/2016	Chuyên viên - Phòng Kiểm toán thanh tra – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc–Vinacomin

38
 PHÁP
 JOAN
 MIỆ
 V
 AN

04/2016-nay	Thành viên Ban kiểm soát, Chuyên viên Phòng Kiểm toán thanh tra Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
-------------	---

Chức vụ hiện nay:

Thành viên Ban kiểm soát Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008 % Vốn điều lệ.

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 800 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,008 % Vốn điều lệ.

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Thù lao, thưởng của Ban kiểm soát.

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

11.4. Trưởng phòng Tài chính kế toán

❖ Ông Nguyễn Đức Vinh – Trưởng phòng Tài chính kế toán

Ông Nguyễn Đức Vinh Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/09/1987

Số CMTND: 162861211 cấp ngày 02/7/2009 tại Nam Định

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Quang Trung, Vụ Bản, Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 235, Mạc Thị Bưởi, tp Nam Định, Nam Định

Số ĐT liên lạc: 0915.246129

Trình độ văn hoá: Giáo dục phổ thông 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Quá trình công tác
8/2009 - 9/2015	Chuyên viên - Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc
9/2015 - 4/2016	Phó trưởng phòng - Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
5/2016 – 8/2016	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin
8/2016 đến nay	Trưởng Phòng Tài chính kế toán – Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin

Chức vụ hiện nay:

Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin

Chức vụ hiện đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần bản thân đang nắm giữ: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ

Trong đó:

- Cổ phần sở hữu cá nhân: 2.000 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,02 % Vốn điều lệ

- Cổ phần đại diện sở hữu: 0 Cổ phần, chiếm tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số cổ phần của các công ty khác đang sở hữu: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không có

12. Tài sản thuộc sở hữu Công ty

12.1. Tài sản cố định

Bảng 20: Tình hình tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2015

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Nguyên giá	67.095	34.113	34.908	183	137.300

Chi tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
Giá trị hao mòn lũy kế	32.547	24.936	29.753	119	87.354
Giá trị còn lại	34.549	10.178	5.154	64	49.945
Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)	51,49	29,83	14,76	34,97	36,38

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Trong đó: Nguyên giá của thiết bị văn phòng bao gồm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là: 53.723 Triệu đồng

Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chi tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá	36.831	-	36.831
Giá trị hao mòn lũy kế	2.026	-	2.026
Giá trị còn lại	34.805	-	34.805
Giá trị còn lại/Nguyên giá (%)	94,50	-	94,50

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

12.2. Tình hình sử dụng đất

Bảng 21: Tình hình sử dụng đất đai của Công ty

Stt	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Hình thức (giao, thuê)	Thời hạn thuê đất	Hồ sơ pháp lý	Đơn vị quản lý
1	Số 5, Phan Đình Giót, Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội	2.247	Thuê đất trả tiền hàng năm	20 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 774.QSĐĐ ngày 19/04/2004	Công ty KD than Hà Nội

2	Xã Trung Minh, huyện Kỳ Sơn, Hoà Bình	5.539	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 740124 ngày 29/11/2013	Công ty KD than Hà Nội
3	Phường Cửa Ông, Tp Cẩm Phả, Quảng Ninh	725	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 835250 ngày 05/03/2014	Chi nhánh Quảng Ninh
4	Khu Vực Đâng, P Yết Kiêu, Tp Hạ Long, Quảng Ninh	278,9	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 835243 ngày 25/02/2014	Chi nhánh Quảng Ninh
5	TT Mạo Khê, Huyện Đông Triều, Quảng Ninh	208,8	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00676 ngày 11/05/2012	Chi nhánh Quảng Ninh
6	Số 77, đường Ngô Quyền, P Máy Chai, Q Ngô Quyền, Tp Hải Phòng	13.085,5	Thuê đất trả tiền hàng năm	24,1 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 538089 ngày 27/12/2010	Công ty KD than Hải Phòng
7	Xã Nam Sơn, huyện An Hải, Tp Hải Phòng (257 QL 5, Quán Toan, Hồng Bàng, Hải Phòng)	498,1	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU 367736 ngày 20/10/2014	Công ty KD than Hải Phòng
8	Km số 2, đường Văn Cao, Tp Nam Định, Nam Định (Lộc An, Tp Nam Định, Nam Định)	4.323	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP708480 ngày 24/02/2015	Công ty KD than Hà Nam Ninh
9	xã Tiên Phong, Tp Thái Bình, Thái Bình	969	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG356416 ngày 28/01/2013	Công ty KD than Hà Nam Ninh

M.S.D.N. 01

10	thôn Hưng Thịnh, xã Yên Bằng, huyện Ý Yên, Nam Định	13.648	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 224094 và CB 224095 ngày 22/12/2015	Công ty KD than Hà Nam Ninh
11	Số 75, Quang Trung, P Ngọc Trạo, Tp Thanh Hoá, Thanh Hoá	2.088	Thuê đất trả tiền hàng năm	20 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 420529.QSDĐ ngày 29/06/2009	Công ty KD than Thanh Hóa
12	xã Hoàng Lý, Tp Thanh Hóa, Thanh Hóa	13.649	Thuê đất trả tiền hàng năm	48 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 923888 ngày 09/10/2013	Công ty KD than Thanh Hóa
13	Số 124, đường Trần Hưng Đạo, P Đội Cung, Tp Vinh, Nghệ An	2.803	Thuê đất trả tiền hàng năm	20 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 107825 ngày 31/12/2013	Công ty KD than Nghệ Tĩnh
14	P Đông Vĩnh, Tp Vinh, Nghệ An	7.486	Thuê đất trả tiền hàng năm	40 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BR 298622 ngày 23/10/2013	Công ty KD than Nghệ Tĩnh
15	TT Xuân An, huyện Nghi Xuân, Hà Tĩnh	1.589	Thuê đất trả tiền hàng năm	37 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CT00220/740/QĐ-UBND ngày 13/03/2012	Công ty KD than Nghệ Tĩnh
16	Xã Thạch Trung, Tp Hà Tĩnh, Hà Tĩnh	1.230	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 856576 ngày 03/10/2013	Công ty KD than Nghệ Tĩnh
17	Phường Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An	1.796	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 107828 ngày 31/12/2013	Công ty KD than Nghệ Tĩnh

10
 C
 KINH
 Q. TH

18	Phường Thị Cầu, Tp Bắc Ninh, Bắc Ninh	3.075	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 230875 và BS 230874 ngày 09/04/2015	Công ty KD than Bắc Lạng
19	Khu phố Á Lữ, P Trần Phú, Tp Bắc Giang, Bắc Giang	88	Thuê đất trả tiền hàng năm	10 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN993980 ngày 20/01/2009	Công ty KD than Bắc Lạng
20	Khối 11, đường Lê Đại Hành, P Vĩnh Trại, Tp Lạng Sơn, Lạng Sơn	549	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00163 ngày 08/01/2007	Công ty KD than Bắc Lạng
21	Thôn Đại phú II, xã Phi Mô, huyện Lạng Giang, Bắc Giang	4.003	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB252581 ngày 31/12/2004	Công ty KD than Bắc Lạng
22	Phường Đáp Cầu, Tp Bắc Ninh, Bắc Ninh	8.845	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS230876 ngày 09/04/2015	Công ty KD than Bắc Lạng
23	Thôn Nam Hưng, xã Tiên Hưng, huyện Lục Nam, Bắc Giang	2.502	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 172587 ngày 09/02/2011	Công ty KD than Bắc Lạng
24	Số 339, đường Dương Tự Minh, P Tân Long, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên	1.637	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 785220 ngày 17/12/2012	Công ty KD than Bắc Thái
25	Tổ 22, phường Quan Triều, Tp Thái Nguyên, Thái Nguyên	1.614	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI785219 ngày 17/12/2012	Công ty KD than Bắc Thái

26	Xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, Thái Nguyên	240	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số I279460 ngày 03/07/1997	Công ty KD than Bắc Thái
27	Xã Đồng Tiến, huyện Phở Yên, Thái Nguyên	1.560	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 785222 ngày 17/12/2012	Công ty KD than Bắc Thái
28	Xã Thuận Thành, huyện Phở Yên, Thái Nguyên	1.816	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BI 785221 ngày 17/12/2013	Công ty KD than Bắc Thái
29	Xã Thuận Thành, huyện Phở Yên, Thái Nguyên	11.051	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP284517 và BP284518 ngày 17/12/2013	Công ty KD than Bắc Thái
30	Tổ 11, phường Hồng Hà, Tp Yên Bái, Yên Bái	970	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 287498 ngày 05/09/2014	Công ty KD than Tây Bắc
31	Thôn Văn Quý, xã Văn Tiến, huyện Trấn Yên, Yên Bái	12.112	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 287497 ngày 05/09/2014	Công ty KD than Tây Bắc
32	Tổ 4, phường Nguyễn Thái Học, Tp Yên Bái, Yên Bái	4.990	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 440658 ngày 26/02/2013	Công ty KD than Tây Bắc
33	Khu phố II, TT Phố Lu, huyện Bảo Thắng, Lào Cai	563	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ số 750/QĐ-UBND ngày 30/11/2005	Công ty KD than Tây Bắc

11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

34	Đường Nguyễn Huệ, phường Phố Mới, Tp Lào Cai, Lào Cai	235	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ số 1075/QĐ-UBND ngày 27/04/2006	Công ty KD than Tây Bắc
35	Đường Nguyễn Tri Phương, phường Phố Mới, Tp Lao Cai, Lao Cai	800	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ số 13/QĐ-UB ngày 10/01/1994	Công ty KD than Tây Bắc
36	Phố Hoàng Diệu, phường Phố Mới, Tp Lao Cai, Lao Cai	1.656	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số QĐ 1218/QĐ-CT ngày 13/07/2000	Công ty KD than Tây Bắc
37	Xã Chi Đám, huyện Đoan Hùng, Phú Thọ	11.468	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00015/QSDĐ ngày 02/11/2001	Công ty KD than Tây Bắc
38	Phường Bến Gót, Tp Việt Trì, Phú Thọ	5.434	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC00064.QSDĐ ngày 22/02/2000	Công ty KD than Vĩnh Phú
39	Phường Phong Châu và xã Trường Thịnh, Tp Phú Thọ, Phú Thọ	908	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q419953 và Q419949 ngày 30/10/2000	Công ty KD than Vĩnh Phú
40	Phường Vân Cơ, Tp Việt Trì, Phú Thọ	3.800	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 419807.QSDĐ ngày 22/02/2000	Công ty KD than Vĩnh Phú
41	TT Đoan Hùng, huyện Đoan Hùng, Phú Thọ	2.275	Thuê đất trả tiền hàng năm	30 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số TC00006.QSDĐ ngày 30/05/2001	Công ty KD than Vĩnh Phú

THAN
TÂY
BẮC
PHÚ
THỌ

42	Khu phố I, Thị trấn Hương Canh, huyện Bình Xuyên, Vĩnh Phúc	4.171	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 666267.QSĐĐ ngày 15/07/2009	Công ty KD than Vĩnh Phú
43	Số 432A, Ngõ Gia Tự, Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	1.302	Thuê đất trả tiền hàng năm	10 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 2677/QĐ-UBND ngày 16/05/2014	Xí nghiệp KD than Cầu Đuống
44	Số 70 phố Ngô Xuân, P Thanh Bình, Tp Ninh Bình, Ninh Bình	204	Thuê đất trả tiền hàng năm	49 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 918979 ngày 27/07/2016	Công ty KD than Ninh Bình
45	Xã Gia Tường, Nho Quan, Ninh Bình	1.786	Thuê đất trả tiền hàng năm	15 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 456/QSĐĐ/ĐKTK ngày 08/01/2000	Công ty KD than Ninh Bình
46	TT Nho Quan, huyện Nho Quan, Ninh Bình	1.939,2	Thuê đất trả tiền hàng năm	15 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 156617 ngày 22/08/2016	Công ty KD than Ninh Bình
47	TT Nho Quan, huyện Nho Quan, Ninh Bình	150	Thuê đất trả tiền hàng năm	20 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 454/QSĐĐ/ĐKTK ngày 08/01/2000	Công ty KD than Ninh Bình
48	Xã Khánh Phú, huyện Yên Khánh, Ninh Bình	13.640	Thuê đất trả tiền hàng năm	48 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 455682 và 455681 ngày 12/05/2014	Công ty KD than Ninh Bình
49	Xã Thanh tuyền, huyện Thanh Liêm, Hà Nam	9.840	Thuê đất trả tiền hàng năm	50 năm	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB229912 ngày 02/09/2013	Công ty KD than Hà Nam

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Bảng 22: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm tài chính 2016

Đơn vị: Tỷ đồng

Chi tiêu	Năm 2016			
	Thực hiện 2015 (Tỷ đồng)	Kế hoạch chưa điều chỉnh (tỷ đồng)	Kế hoạch điều chỉnh (Tỷ đồng)	% tăng giảm Kế hoạch điều chỉnh so với thực hiện năm 2015
Doanh thu thuần	6.062	5.043	4.933	-18,6
Lợi nhuận sau thuế	12,4	13,6	7,5	- 39,5
Vốn Điều lệ	50	100	100	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,20%	0,27%	0,15%	/
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Điều lệ	24,8%	13,6%	7,5%	/
Cổ tức	10%	5%	5%	/

(Nguồn: Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

Ghi chú: Kế hoạch chưa điều chỉnh năm 2016 được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Kế hoạch kinh doanh năm 2016 điều chỉnh theo Quyết định số 5726/QĐ-TKV ngày 02/12/2016 của Tổng giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam về việc điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch phối hợp sản xuất kinh doanh năm 2016 của Công ty CP Kinh doanh than Miền Bắc-Vinacomin.

Kế hoạch điều chỉnh đã điều chỉnh giảm lợi nhuận cũng như mức lợi nhuận dự kiến đạt được thấp hơn so với năm 2015 chủ yếu từ việc doanh thu giảm. Doanh thu của Công ty chủ yếu là doanh thu từ bán than, do sản lượng tiêu thụ than giảm so với kế hoạch ban đầu (một số hộ tiêu thụ than số lượng lớn như các hộ sản xuất điện, xi măng ... mà đơn vị đang cung cấp giảm sản lượng hoặc chuyển sang sử dụng than nhập khẩu) nên doanh thu bán than giảm.

13.1. Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên

Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty được lập căn cứ vào dự đoán và ước tính dựa trên các thông tin giả định tại thời điểm lập kế hoạch (cuối năm 2015). Trong quá trình thực hiện

năm 2016, các ước tính này có nhiều thay đổi xuất phát từ tình hình thực tế, do đó Công ty đã xây dựng kế hoạch điều chỉnh và được TKV phê duyệt.

Kế hoạch lợi nhuận Công ty xây dựng dựa trên doanh thu bán than. Doanh thu bán than được xác định trên cơ sở sản lượng tiêu thụ trong năm (Sản lượng được xác định theo mức sản lượng tiêu thụ trung bình 03 năm gần nhất và theo nhu cầu sử dụng than thực tế của khách hàng mà khách hàng đã đăng ký nhu cầu mua với Công ty). Sản lượng than tiêu thụ của Công ty chủ yếu cung cấp cho các hộ sản xuất điện, xi măng, gạch ngói. Các hộ tiêu thụ lớn này có biến động sẽ ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của Công ty. Nếu sản lượng tiêu thụ ổn định như các năm trước thì kế hoạch lợi nhuận và cổ tức đặt ra sẽ đạt được đúng dự tính.

Để triển khai hoàn thành mục tiêu kế hoạch đã đề ra, Công ty xác định một mặt phải ổn định công tác tổ chức kinh doanh, quản lý chặt chẽ chi phí, mặt khác đặc biệt quan tâm chú trọng đến công tác bán hàng, giữ vững và phát triển thị trường, hoàn thành tốt các dự án đầu tư.

Trong tháng 6/2016, công ty đã phát hành 5.000.000 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu từ nguồn vốn chủ sở hữu, hoàn thành kế hoạch tăng vốn điều lệ lên 100 tỷ đồng. Về kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm 2016 của công ty, doanh thu thuần đạt 4.869 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 5,4 tỷ đồng, bằng 98,7% kế hoạch doanh thu, 72% kế hoạch lợi nhuận sau thuế năm 2016. Ước tính năm 2016, doanh thu thuần công ty đạt 6.200 tỷ đồng tăng 25,7% so với kế hoạch điều chỉnh, lợi nhuận sau thuế đạt 7,5 tỷ đồng đạt tỷ lệ hoàn thành 100%.

14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Là đơn vị tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam đã thu thập các thông tin, tiến hành nghiên cứu phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chúng tôi nhận thấy kế hoạch kinh doanh của Công ty đặt ra trên cơ sở thận trọng dựa vào đánh giá tình hình kinh tế, năng lực sản xuất và kinh nghiệm của bộ máy điều hành. Công ty đã tích cực trong việc đẩy mạnh doanh thu, tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh và quản lý. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận mà công ty đề ra trong năm 2016 là khả thi. Kế hoạch chi trả cổ tức của Công ty vừa đảm bảo được mức lợi tức ổn định cho cổ đông vừa đảm bảo nguồn lợi nhuận để lại nhằm tiếp tục tái đầu tư cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của tổ chức tư vấn, dựa trên cơ sở các thông tin do Công ty cung cấp, thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính và chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán

cũng như tính chắc chắn của số liệu được dự báo. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho nhà đầu tư.

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết.

Không có

689
TY
HÀNH
ANH
EN B
INAC
H XƯ

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

- Loại chứng khoán**
Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá**
10.000 đồng/cổ phần
- Mã chứng khoán**
TMB
- Tổng số chứng khoán niêm yết**
10.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu, trái phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 54 Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 quy định, Cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính Kế toán) của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng (Trưởng phòng Tài chính Kế toán) Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân đại diện nắm giữ.

Tổng số lượng cổ phiếu của CTCP Kinh doanh Than miền Bắc-Vinacomin bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định trên là: 41.892 cổ phiếu chiếm 0,42% trên vốn điều lệ của Công ty. Cụ thể:

Bảng 23: Danh sách nắm giữ cổ phần

STT	Họ và tên	Chức vụ	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết	SLCP cam kết nắm giữ trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Đoàn Hữu Thung	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	6.452	3.226

2	Phan Tiến Hải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	5.972	2.986
3	Nguyễn Minh Hải	Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc	8.248	4.124
4	Vũ Hữu Long	Thành viên HĐQT	10.000	5.000
5	Nguyễn Đức Vinh	Trưởng phòng Tài chính Kế toán	2.000	1.000
6	Đặng Thị Hải Hà	Trưởng BKS	7.944	3.972
7	Vũ Minh Chiến	Thành viên BKS	476	238
8	Bùi Thị Phương Thảo	Thành viên BKS	800	400
		Tổng cộng	41.892	20.946

(Nguồn: CTCP Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

6. Giá trị sổ sách của cổ phiếu

Giá trị sổ sách của cổ phiếu TMB tại thời điểm 31/12/2015 được xác định như sau:

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	31/12/2015	30/9/2016
Tổng vốn chủ sở hữu (A)	161.105.584.519	166,530,445,078
Số lượng cổ phần đang lưu hành (Cổ phần)	5.000.000	10.000.000
Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (C)=(A)/(B)	32.221	16.653

(Nguồn: Tính toán của VietinBankSc dựa trên số liệu BCTC kiểm toán năm 2015 của CTCP Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin)

7. Phương pháp tính giá

Giá niêm yết dự kiến được tính theo giá trung bình (có tính đến trọng số) của các phương pháp:

❖ Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên mức sinh lời bình quân của mỗi cổ phần - Price/Earnings (P/E)

Hệ số P/E được tính toán bằng giá trị P/E bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu TMB = P/E trung bình * EPS (TMB)

❖ **Phương pháp Hệ số giá cổ phiếu trên giá trị sổ sách của mỗi cổ phần – Price/Book value (P/B)**

Hệ số P/B được tính toán bằng giá trị P/B bình quân của các công ty cùng ngành đang niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội và TP Hồ Chí Minh.

Giá trị của cổ phiếu TMB= P/B trung bình * Book value (TMB)

❖ **Giá tham chiếu**

Trên cơ sở các phương pháp định giá trên, mức giá dự kiến trong ngày đầu giao dịch của cổ phiếu Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin sẽ do Hội đồng quản trị công ty thông báo bằng văn bản phù hợp với các quy định của pháp luật tại thời điểm niêm yết.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

- Các pháp nhân và thể nhân nước ngoài có thể mua cổ phần của Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin theo đúng quy định về tỷ lệ sở hữu của người nước ngoài trong công ty đại chúng.
- Căn cứ Văn bản số 1183/UBCK-QLCB ngày 15/3/2016 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước về việc một số vấn đề cần lưu ý khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016; căn cứ Văn bản số 1559/TKV-TCNS ngày 08/4/2016 của TKV về việc tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại các công ty đại chúng, Công ty đã rà soát danh mục ngành nghề kinh doanh của Công ty và thống nhất áp dụng Điều 2a Nghị định 60/2015/NĐ-CP về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và ý kiến chỉ đạo của TKV tại Văn bản số 1559/TKV-TCNS để xác định Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty tối đa là 49% Vốn điều lệ.
- Tỷ lệ nắm giữ của cổ đông nước ngoài (bao gồm tổ chức và cá nhân) tại Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin tại thời điểm ngày 15/10/2016 là 0 cổ phần.

9. Các loại thuế có liên quan

9.1. Đối với Công ty

❖ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

- Theo Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 được Quốc hội ban hành ngày 19/06/2013 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, thì mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty là 22%

được áp dụng kể từ ngày 01/01/2014 và sẽ được áp dụng mức thuế 20% kể từ ngày 01/01/2016.

❖ **Thuế giá trị gia tăng (VAT)**

- Thuế giá trị gia tăng áp dụng đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty thực hiện theo quy định của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Thuế suất thuế giá trị gia tăng mà Công ty phải chịu là 10%.

9.2. Đối với nhà đầu tư

❖ **Đối với nhà đầu tư cá nhân**

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Đối với nhà đầu tư trong nước: thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Việc áp dụng thuế suất 20% trên thu nhập tính thuế cả năm phải đáp ứng điều kiện quy định tại khoản 4a. Điều 2. Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 27/6/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập cá nhân và căn cứ khoản 5. Điều 16. Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế thì: Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất là 20% trên thu nhập tính thuế của cả năm hoặc áp dụng thuế suất 0.1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần đối với cá nhân cư trú.
 - ✓ Đối với nhà đầu tư nước ngoài: thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán áp dụng thuế suất thuế TNCN 0.1% trên tổng số tiền nhận được từ việc chuyển nhượng.
- Thu nhập từ cổ tức:
 - ✓ Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC, thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%.
 - ✓ Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư mới phải thực hiện nghĩa vụ thuế và áp dụng mức thuế suất tương tự như trường hợp chuyển nhượng chứng khoán.

❖ **Đối với nhà đầu tư tổ chức**



- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:
 - ✓ Tổ chức trong nước: Theo quy định tại Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 ngày 03/6/2008 và Luật số 32/2013/QH13 ngày 19/06/2013 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thuế TNDN số 14/2008/QH12 thì thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%.
 - ✓ Riêng đối doanh nghiệp nước ngoài, tổ chức nước ngoài sản xuất kinh doanh tại Việt Nam không theo Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư thì thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán sẽ nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 0,1% trên doanh thu tính thuế.
- Thu nhập từ cổ tức: được miễn thuế theo quy định tại Khoản 6 Điều 4 Luật Thuế TNDN 2008.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

1. Đơn vị tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Số 306 Bà Triệu, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04.3556 2875/76

Fax: 04.3556 2874

2. Đơn vị kiểm toán:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIỆT NAM – THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ MOORE STEPHENS

Trụ sở chính: Tầng 8, Cao ốc Văn phòng VG Building, số 235 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.

Điện thoại: 04.37832121

Fax: 04.37832122

VII. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

Phụ lục II: Điều lệ Công ty cổ phần Kinh doanh Than miền Bắc - Vinacomin;

Phụ lục III: Công văn giới thiệu những văn bản pháp luật liên quan đến Công ty;

Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015; BCTC 9 tháng năm 2016; Báo cáo kiểm toán vốn.



Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2016

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THAN MIỀN BẮC - VINACOMIN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Văn Hà

Đoàn Hữu Thung

TRƯỞNG PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Đức Vinh

Đặng Thị Hải Hà

ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM
GIÁM ĐỐC KHÓI TƯ VẤN TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP



Chu Mạnh Hiền

